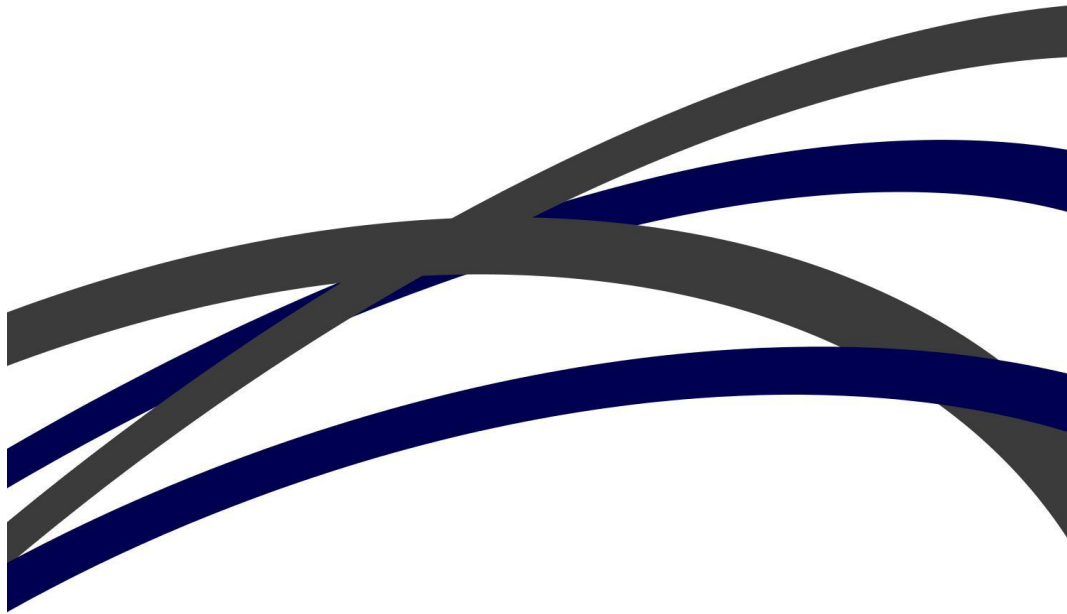




# Country Education Profiles Australia





## ▪ Tổng quan hệ thống giáo dục Australia

Khôì thịnh vượng chung Australia bao gồm 8 bang và vùng lãnh thổ — Vùng lãnh thổ thủ đô Australia, New South Wales, vùng lãnh thổ Bắc Australia, Queensland, Nam Australia, Tasmania, Victoria và phía Tây Australia.

Chính quyền Australia có 3 cấp: chính quyền quốc gia, chính quyền bang và vùng lãnh thổ, và chính quyền địa phương.

## ▪ Giáo dục phổ thông

Giáo dục phổ thông có cấu trúc tương tự nhau tại khắp Australia, sự khác biệt giữa các bang và vùng lãnh thổ là không lớn.

Giáo dục phổ thông kéo dài 13 năm, chia thành các cấp:

- Tiểu học: 7 hoặc 8 năm – từ mẫu giáo tới lớp 6 hoặc lớp 7;
- Trung học cơ sở: 3 hoặc 4 năm – từ lớp 7 tới lớp 10 hoặc từ lớp 8 tới lớp 10;
- Trung học phổ thông: 2 năm – lớp 11 và 12.

## ▪ Giáo dục sau phổ thông

Giáo dục sau phổ thông được biết tới như Giáo dục Đại học. Giáo dục Đại học bao gồm Giáo dục Đại học và Giáo dục và Đào tạo nghề nghiệp (VET)

## ▪ Ngôn ngữ giảng dạy

Tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức của Australia và là ngôn ngữ chính trong giảng dạy. Một số trường cung cấp chương trình song ngữ hoặc các chương trình bằng các ngôn ngữ khác. Ngôn ngữ bản địa cũng có thể được sử dụng ở một số vùng.

Phần lớn các trường cung cấp cho học sinh lựa chọn ngoại ngữ khác bao gồm tiếng Ả Rập, Tiếng Bahasa Indônêxia, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Ý, tiếng Nhật, tiếng Quan Thoại, tiếng Hy Lạp và tiếng Tây Ban Nha.

## ▪ Năm học

Năm học bắt đầu từ tháng Hai đến tháng Mười Hai. Hầu hết các bang và vùng lãnh thổ hoạt động trên hệ thống bốn học kỳ một năm, riêng hệ thống bang Tasmania có ba học kỳ mỗi năm.

Đối với VET, năm học kéo dài từ cuối tháng Giêng đến giữa tháng Mười Hai. Ở một số bang và lãnh thổ, một năm học được chia thành hai học kỳ. Những nơi khác sử dụng hệ thống ba kỳ.

Trong ngành giáo dục đại học, năm học kéo dài từ tháng 2 đến tháng 11. Hầu hết các cơ sở đào tạo sử dụng hệ thống học kỳ và một học kỳ kéo dài 16 tuần bao gồm cả nghỉ giữa kỳ và thời gian kiểm tra. Một số trường sử dụng hệ thống 3 kỳ học hoặc kỳ hè và đông bổ sung thêm cho hai học kỳ chính. Một số cơ sở giáo dục tổ chức các chương trình quanh năm.

## ▪ Quản lý và Tài chính

Quản lý và tài trợ cho giáo dục ở Australia được chia sẻ giữa Chính phủ Australia và các chính phủ tiểu bang và các vùng lãnh thổ. Bản chất của việc sắp xếp phụ thuộc vào lĩnh vực giáo dục và trách nhiệm pháp lý.



Chính phủ Australia hợp tác cùng chính phủ tiểu bang và các vùng lãnh thổ nhằm phát triển chính sách giáo dục và quy hoạch qua Hội đồng Chính phủ Australia (Council of Australian Governments – COAG). COAG bao gồm một số hội đồng, mỗi hội đồng tập trung vào một lĩnh vực nhất định. Thành viên của COAG là Bộ trưởng Chính phủ Australia, các tiểu bang và các vùng lãnh thổ.

Thông tin chi tiết có tại: <http://www.coag.gov.au/>

### ▪ Khung trình độ Australian

Khung trình độ Australia (AQF) được tạo ra vào năm 1995 như một chính sách quốc gia về trình độ mọi lĩnh vực trong giáo dục; Giáo dục Đại học, Giáo dục và Đào tạo nghề nghiệp (VET) và giáo dục phổ thông. Sở Giáo dục và Đào tạo Chính phủ Australia tham khảo chính quyền các tiểu bang và các vùng lãnh thổ, chịu trách nhiệm quản trị AQF.

AQF nhấn mạnh học tập linh hoạt và hỗ trợ các mối liên hệ giữa các lĩnh vực giáo dục, và từ giáo dục tới thị trường lao động. Chính sách của AQF bao gồm:

- Đánh giá các kết quả cho từng mức AQF và loại trình độ;
- Chính sách AQF để phát triển và công nhận chất lượng;
- Phát hành chứng chỉ AQF;
- Liên kết và đường dẫn;
- Thêm và loại bỏ các loại chứng chỉ;
- Thống kê các tổ chức công nhận, cơ quan cấp bằng và trình độ.





Hệ thống văn bằng AQF được cung cấp tại bậc Giáo dục Đại học, VET và các ngành học. Một số văn bằng được cung cấp tại nhiều hơn một lĩnh vực.

Xem thêm thông tin tại:

- Các khóa học và bằng cấp, Giáo dục đại học, trang 8
- Các khóa học và chứng chỉ, Giáo dục và đào tạo nghề, trang 22
- Trường Trung học phổ thông, Giáo dục phổ thông, trang 36.

Bậc AQF đề cập đến mức độ phức tạp, độ rộng và độ sâu của kết quả học tập (được gọi là các tiêu chí cấp độ). Mỗi cấp độ AQF có các loại trình độ. Các loại trình độ cũng có mô tả dựa trên kết quả học tập và cụ thể hơn các tiêu chí cấp độ. Cả tiêu chí cấp độ và mô tả loại trình độ đều được dựa trên những kết quả học tập chung bao gồm:

- Kiến thức – những gì một người tốt nghiệp biết hoặc hiểu. Kiến thức có thể là kiến thức chung hoặc kiến thức chuyên ngành, có thể trong một lĩnh vực duy nhất hoặc trong một số lĩnh vực và có thể không liên mạch hoặc tích lũy.
- Kỹ năng - những gì một người tốt nghiệp có thể làm. Đây có thể là nhận thức, sáng tạo, kỹ thuật, giao tiếp cá nhân và / hoặc giữa các cá nhân;
- Vận dụng kiến thức và kỹ năng - bối cảnh trong đó một sinh viên tốt nghiệp áp dụng kiến thức và kỹ năng đã có. Điều này được mô tả về quyền tự chủ, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình. Bối cảnh có thể đoán trước được, thường xuyên và rõ ràng, hoặc không thể đoán trước, không thường xuyên và không rõ.

Mô tả loại trình độ cũng sẽ có khối lượng học tập mang tính lý thuyết. Khối lượng này được mô tả dưới dạng một năm học toàn thời gian. Khối lượng học mang mục đích hướng dẫn. Khối lượng học phải cho phép đạt được kết quả học tập của loại và cấp trình độ.

Chứng chỉ AQF được đảm bảo chất lượng và được công nhận bởi Cơ quan Tiêu chuẩn và Chất lượng Giáo dục Đại học (TEQSA), Cơ quan Quản lý Chất lượng Kỹ năng Australia (ASQA) hoặc các cơ quan kiểm định tiểu bang/lãnh thổ, bao gồm cả những người trong lĩnh vực giáo dục phổ thông. Cơ quan kiểm định phụ thuộc vào ngành của văn bằng và tiểu bang hoặc lãnh thổ nơi văn bằng đó được cấp.

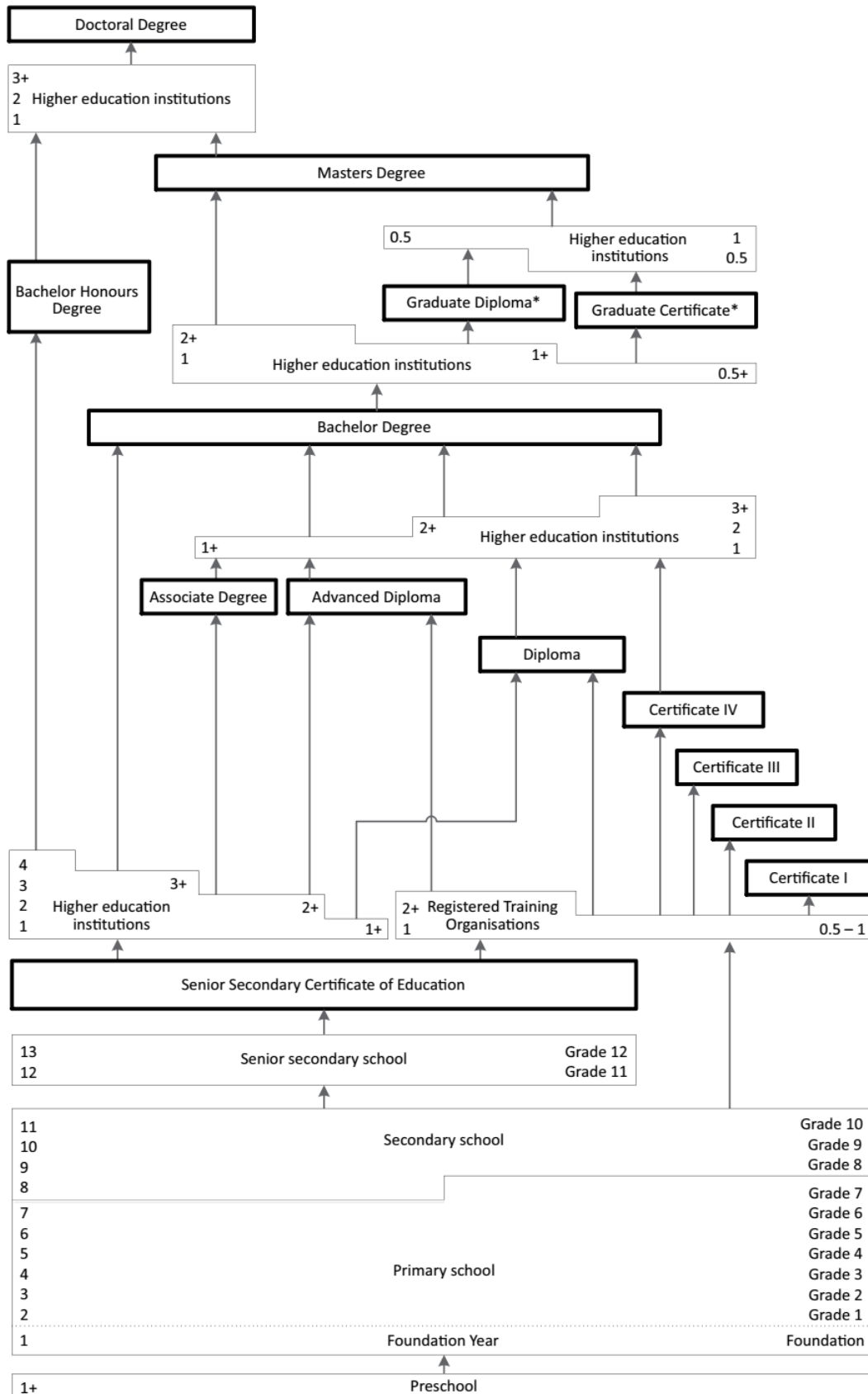
Xem thêm thông tin tại:

- Công nhận và đảm bảo chất lượng, Giáo dục đại học, trang 16
- Công nhận và đảm bảo chất lượng, Giáo dục và đào tạo nghề, trang 27
- Trung học phổ thông, Giáo dục phổ thông, trang 36.

Các văn bằng AQF và các tổ chức được cấp phép cấp bằng AQF và các tổ chức được cấp phép kiểm định văn bằng AQF có thể được xem thêm tại trang web: [AQF Register](#)



## ▪ Hệ thống giáo dục Australia



## ▪ Giáo dục Đại học tại Australia



Lĩnh vực Giáo dục Đại học tại Australia bao gồm các trường đại học và các cơ sở giáo dục Đại học khác cấp chứng chỉ trình độ của Australia (AQF) từ cấp độ 5 đến cấp độ 10. Ba chu kỳ chính của giáo dục đại học dẫn đến Bằng Cử nhân, Thạc sỹ và Tiến sĩ nhưng cũng có bằng cấp trình độ sau đại học và trình độ sau đại học.

#### ▪ **Khóa học và văn bằng**

Các khóa học có thể được học dưới hình thức toàn thời gian hoặc vừa học vừa làm, học tại trường hoặc học từ xa hoặc học trực tuyến. Tất cả các khóa học bất kể loại hình học tập nào đều phải tuân thủ những thỏa thuận đảm bảo chất lượng nghiêm ngặt.

#### ▪ **Hệ thống tín chỉ**

Australia không có hệ thống tín chỉ quốc gia. Thay vào đó, AQF chỉ ra khối lượng kiến thức điển hình được yêu cầu trong những năm nghiên cứu toàn thời gian và cung cấp chính sách chuyển đổi tín chỉ và chính sách khóa học. Vì có những quy định về đảm bảo chất lượng có hiệu lực nhằm hỗ trợ sự thống nhất toàn quốc và sự tự chủ của các học viện nên mỗi cơ sở giáo dục đều có thể phát triển linh hoạt hệ thống tín chỉ của riêng mình để thể hiện khối lượng chương trình học.

Ví dụ, Bằng Cử nhân có thể yêu cầu tổng cộng 24 tín chỉ tại một trường và 600 tín chỉ ở một trường khác. Điều này không có nghĩa là Bằng Cử nhân yêu cầu 600 tín chỉ có giá trị hơn Bằng Cử nhân yêu cầu 24 tín chỉ. Nó chỉ có nghĩa là hai trường này sử dụng hệ thống tín chỉ khác nhau. Cả hai Bằng Cử nhân này đều có trạng thái giống nhau tại văn bằng AQF. Tín chỉ được sử dụng để đại diện cho khối lượng học tập toàn thời gian chứ không phải số giờ liên lạc. Một môn học có thể trị giá 1 tín chỉ hoặc 25 tín chỉ, và nó có thể có số thời gian liên lạc và số giờ học yêu cầu khác nhau phụ thuộc vào hệ thống mà học viện đó sử dụng. Vì vậy, những hệ thống tín chỉ khác nhau được sử dụng tại các cơ sở giáo dục Australia không thể chuyển đổi thành số giờ liên lạc hoặc số giờ nghiên cứu.

#### ▪ **Các chương trình và văn bằng trình độ Đại học**

##### **Bằng Trung cấp (Diploma)**

Chương trình Trung cấp chuẩn bị sinh viên tốt nghiệp cho công việc phụ tá hoặc việc học lên cao hơn dựa vào khóa học ứng dụng. Kiến thức và kỹ năng ở cấp độ này thể hiện sự hiểu biết về một nền tảng kiến thức rộng kết hợp với các khái niệm lý thuyết có độ sâu trong một số lĩnh vực. Những kiến thức và kỹ năng này bao gồm khả năng phân tích và lập kế hoạch, phương pháp tiếp cận các vấn đề kỹ thuật hoặc các yêu cầu quản lý, chuyển đổi và áp dụng các khái niệm lý thuyết và/hoặc kỹ thuật hoặc kỹ năng sáng tạo trong nhiều tình huống, phân tích và đánh giá các thông tin, các ứng dụng hoặc các chương trình. Các khóa học thường kéo dài từ một đến hai năm toàn thời gian.

Sinh viên tốt nghiệp trung cấp có thể làm việc hoặc tiếp tục học thêm trong lĩnh vực giáo dục đại học và được tính đã tích lũy tối đa một năm tín chỉ trong chương trình Cử nhân liên quan. Bằng Trung cấp cũng được cấp như là một văn bằng hướng nghiệp và đào tạo nghề (VET), xem trang 23.

##### **Bằng Trung cấp nâng cao (Advanced Diploma)**

Chương trình Trung cấp nâng cao chuẩn bị cho sinh viên tốt nghiệp cho công việc phụ tá hoặc công việc có kỹ năng nâng cao hoặc học lên cao hơn. Kiến thức và kỹ năng ở cấp độ này bao gồm kiến thức rộng về lý thuyết và kỹ thuật về chuyên môn hoặc một



lĩnh vực rộng của công việc và học tập. Sinh viên tốt nghiệp được mong đợi sẽ chứng minh kiến thức chuyên môn, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng phân tích, và giao tiếp trong một loạt các tình huống chuyên biệt. Các chương trình thường kéo dài từ mười tám tháng tới hai năm toàn thời gian.

Sinh viên tốt nghiệp Trung cấp nâng cao có thể bắt đầu làm việc hoặc tiếp tục học lên cao hơn trong lĩnh vực giáo dục đại học và được tính đã tích lũy tối đa từ một đến hai năm tín chỉ trong chương trình Bằng Cử Nhân liên quan. Bằng Trung cấp nâng cao cũng được cấp như là một văn bằng VET, xem trang 23.

### **Bằng Cao đẳng (Associate Degree)**

Chương trình Cao đẳng tập trung vào học thuật nhiều hơn và chuẩn bị sinh viên tốt nghiệp cho công việc phụ tá hoặc học lên cao hơn. Kiến thức và kỹ năng ở cấp độ này tập trung vào việc củng cố kiến thức về lý thuyết và kỹ thuật. Sinh viên tốt nghiệp được trông đợi sẽ thể hiện sự chủ động và quyết đoán, kỹ năng giải quyết vấn đề, ra quyết định và kỹ năng phân tích, và giao tiếp trong một loạt các tình huống chuyên biệt. Các chương trình thường kéo dài hai năm toàn thời gian.

Bằng Cao đẳng và bằng Trung cấp nâng cao có cùng cấp độ trong AQF. Sự khác biệt nằm ở trọng tâm hai loại văn bằng này. Bằng Cao đẳng mang định hướng học thuật nhiều hơn trong khi bằng Trung cấp nâng cao nhấn mạnh vào kỹ năng nghề nghiệp hoặc chuyên môn đặc biệt.

Sinh viên tốt nghiệp chương trình Cao đẳng có thể bắt đầu làm việc hoặc tiếp tục học lên cao hơn và thường được tính đã tích lũy được từ 1.5 năm đến 2 năm tín chỉ trong chương trình Bằng Cử nhân liên quan.

### **Bằng Cử nhân (Bachelor Degree)**

Chương trình Cử nhân bao gồm phát triển kiến thức và kỹ năng trong một hoặc nhiều chuyên ngành. Các chương trình tập trung vào việc phát triển tiến bộ kiến thức, kỹ năng phân tích, nghiên cứu và các kỹ thuật giải quyết vấn đề tạo cơ sở cho nghiên cứu sau đại học hoặc cho công việc chuyên môn.

Một số trường cấp Bằng Cử nhân không thể nhập học trực tiếp bằng cách tốt nghiệp phổ thông và yêu cầu phải có Bằng Cử nhân để nhập học. Phần lớn các khóa học này là chương trình chuyên môn. Những khóa này được biết đến như Bằng Cử nhân tuyển sinh.

Sinh viên có thể ghi danh vào học chương trình song bằng để được cấp hai bằng Cử nhân. Loại hình này phổ biến nhất trong lĩnh vực nghệ thuật, thương mại, luật và khoa học. Những chương trình học như vậy kéo dài ít nhất 4 năm học toàn thời gian.

Không có quy định về thời gian chương trình học Cử nhân. Ngành khoa học xã hội và khoa học tự nhiên kéo dài trong khoảng từ ba đến bốn năm học toàn thời gian, và bằng chuyên môn kéo dài trong khoảng từ ba đến sáu năm hoặc nhiều năm học toàn thời gian hơn. Tất cả các khóa học bất kể thời gian hoặc yêu cầu đặc biệt đều được bảo đảm chất lượng và phải phù hợp với AQF.

Sinh viên tốt nghiệp Cử nhân có đủ điều kiện nhập học và chương trình Thạc sỹ và những trình độ sau Đại học như Chứng chỉ sau Đại học hay Văn bằng sau Đại học.

### ***Yêu cầu đầu vào chương trình Cử nhân***

Các chương trình Cử nhân khác nhau tùy thuộc vào lĩnh vực chuyên ngành, ngành và/hoặc khoa và cơ sở giáo dục. Các chương trình tập trung chủ yếu vào lĩnh vực





chuyên ngành nghiên cứu từ năm nhất trở đi và không có thành phần giáo dục tổng quát đáng kể. Các khóa học bao gồm những môn học chính bắt buộc, những môn chuyên ngành và những môn tự chọn.

Khóa học chuyên nghiệp bao gồm số lượng nhiều hơn môn học chính bắt buộc, với một vài lựa chọn các môn chuyên ngành và môn tự chọn. Những khóa học Cử nhân không chuyên nghiệp cho phép sinh viên lựa chọn nhiều chuyên ngành hơn. Các chương trình thường phải có ít nhất một chuyên ngành chính được nghiên cứu trong thời gian khóa học. Nhiều sinh viên theo học hai hoặc ba chuyên ngành. Các trường đại học có các quy định liên quan đến số lượng tối thiểu và tối đa của các đơn vị phải hoàn thành mỗi năm. Đơn vị là một thành phần cấu thành của trình độ và ở Australia có thể được gọi là một mô-đun, một môn học hoặc một đơn vị năng lực.

Các khóa học có thể bao gồm các bài giảng, hướng dẫn, hội thảo, làm việc trong phòng thí nghiệm, nghiên cứu điền dã hoặc thực hành có giám sát. Số giờ liên lạc của lớp mỗi tuần khác nhau tùy theo tính chất của chương trình học. Đánh giá thường bao gồm việc kiểm tra, nghiên cứu và làm báo cáo, tuyệt trình, thực địa hoặc thực hành, nghiên cứu cá nhân hoặc theo nhóm và thực hành theo hướng dẫn, chuyên đề và làm việc trong phòng thí nghiệm.

#### ▪ **Bằng Cử nhân Danh dự**

Các chương trình Cử nhân Danh dự tập trung vào sự phát triển kiến thức tiên tiến và kỹ năng trong nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu trong một hoặc nhiều chuyên ngành. Yêu cầu phải có luận văn nghiên cứu hoặc một nghiên cứu quan trọng. Các chương trình cần thêm một năm học chuyên sâu sau khi có bằng Cử nhân, hoặc có thể được thực hiện như một chương trình tích hợp bốn năm. Năm học chuyên sâu thường liên quan đến việc học tập chuyên ngành và nghiên cứu, và trình luận án. Sinh viên chuyên ngành trong một lĩnh vực nghiên cứu, hoặc nhiều lĩnh vực trong các chương trình Cử nhân Danh dự song bằng. Đây thường là lĩnh vực nghiên cứu trong ngành học của sinh viên. Phần lớn các chuyên ngành đều có Bằng Cử nhân Danh dự. Bằng Cử nhân Danh dự thường được trao với chữ viết tắt 'Hons' - ví dụ: BA (Hons) - và theo *Class* hoặc *Division* - ví dụ như *First Class* hoặc *Second Class (Upper Division)*. Sinh viên tốt nghiệp bằng Danh dự theo dạng *First Class* hoặc *Second Class (Upper Division)* có thể nhập học trực tiếp vào chương trình Tiến sĩ.

#### ▪ **Các khóa học và trình độ sau đại học**

##### **Chứng chỉ sau Đại học (Graduate Certificate)**

Các chương trình Chứng chỉ sau Đại học được thiết kế cho các công việc chuyên nghiệp hoặc công việc đòi hỏi tay nghề cao hoặc học lên cao hơn. Các chương trình Chứng chỉ sau Đại học thường đòi hỏi một học kỳ nghiên cứu toàn thời gian.

Kiến thức và kỹ năng ở cấp độ này nhấn mạnh kiến thức lý thuyết chuyên môn và kỹ thuật trong một ngành học mới hoặc ngành học hiện có hoặc lĩnh vực chuyên nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp được kỳ vọng sẽ thể hiện sự chủ động, phân tích, lập kế hoạch và đánh giá trong một loạt các tình huống chuyên biệt. Các chương trình có thể mở rộng kiến thức và kỹ năng đạt được trong chương trình Cử Nhân trước đó hoặc trình độ khác.

Chứng nhận sau đại học có thể được cấp sau khi sinh viên thực hiện học sau đại học như chương trình Bằng Thạc sĩ nhưng không hoàn thành hết chương trình học.





## **Bằng sau Đại học (Graduate Diploma)**

Các chương trình Bằng sau đại học được thiết kế cho nghề nghiệp, công việc đòi hỏi tay nghề cao hoặc học lên cao hơn. Các chương trình Bằng sau đại học thường yêu cầu một năm nghiên cứu toàn thời gian và phạm vi kiến thức sâu rộng hơn về một lĩnh vực cụ thể so với chương trình Chứng nhận sau đại học.

Kiến thức và kỹ năng ở cấp độ này nhấn mạnh kiến thức lý thuyết và kỹ thuật tiên tiến về một chuyên ngành hoặc lĩnh vực chuyên môn hiện có hoặc phát triển các kỹ năng chuyên môn hoặc kỹ năng nghề mới. Sinh viên tốt nghiệp được kỳ vọng sẽ thể hiện sự chủ động, phân tích, lập kế hoạch và đánh giá trong một loạt các tình huống chuyên biệt. Các chương trình có thể mở rộng kiến thức và kỹ năng đạt được trong chương trình Cử nhân trước đó hoặc trình độ khác.

Bằng sau đại học có thể được cấp nếu một sinh viên thực hiện học chương trình sau đại học như chương trình Thạc sỹ nhưng không hoàn thành hết khóa học.

## **Bằng Thạc sỹ**

Có ba loại chương trình Thạc sỹ: nghiên cứu, tín chỉ và mở rộng. Hầu hết các bằng Thạc sỹ yêu cầu từ một đến hai năm nghiên cứu sau khi học Đại học. Ngoài ra cũng có một số con đường khác để hoàn thành khóa học Thạc sỹ.

Kiến thức và kỹ năng ở cấp độ này tập trung vào phân tích và đánh giá các thông tin phức tạp, khả năng tạo ra và đánh giá các ý tưởng và khái niệm phức tạp, và các kỹ năng giao tiếp và nghiên cứu để cung cấp kiến thức mạch lạc cho các chuyên gia và những người không có chuyên môn. Sinh viên tốt nghiệp được kỳ vọng sẽ áp dụng kiến thức và kỹ năng vào các tình huống mới, thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình cao và cung cấp một số lượng lớn các nghiên cứu hoặc cả một dự án nghiên cứu. Tất cả các chương trình Thạc sỹ bao gồm các nguyên tắc nghiên cứu; phương pháp, kỹ năng và yêu cầu hoàn thành một phần nghiên cứu đáng kể, một dự án nghiên cứu, một kinh nghiệm thực hiện dự án capstone, một phần học bổng hoặc một dự án tập trung vào nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp có thể tiếp tục học lên chương trình cấp bằng Tiến sĩ.

### ***Bằng Thạc sỹ (Nghiên cứu)***

Các chương trình Thạc sỹ (Nghiên cứu) được thiết kế để cung cấp cho sinh viên tốt nghiệp những kiến thức nâng cao phục vụ nghiên cứu, học bổng và các mục đích học lên cao hơn. Các chương trình học có ít nhất 2/3 là nghiên cứu với một luận văn đáng kể được kiểm tra bên ngoài. Các chương trình thường đòi hỏi phải có ít nhất một đến hai năm nghiên cứu toàn thời gian, tùy thuộc vào trình độ trước đó và nếu trình độ đó thuộc chuyên ngành liên quan.

### ***Bằng Thạc sỹ (Tín chỉ)***

Các chương trình Thạc sỹ (Tín chỉ) được thiết kế để cung cấp cho sinh viên tốt nghiệp những kiến thức nâng cao phục vụ thực hành chuyên môn, học bổng và các mục đích học lên cao hơn. Các chương trình thường đòi hỏi một đến hai năm học toàn thời gian, tùy thuộc vào trình độ trước đó và nếu trình độ đó có liên quan đến chuyên ngành của (những) bằng cấp trước đó của học sinh.

### ***Bằng Thạc sỹ (Mở rộng)***



Chương trình Thạc sỹ (Mở rộng) được thiết kế để cung cấp cho sinh viên tốt nghiệp những kiến thức nâng cao chuẩn bị cho thực hành chuyên nghiệp và học lên cao hơn. Chương trình học thường yêu cầu học tập có cấu trúc và nghiên cứu độc lập liên quan tới sự hợp tác đáng kể với những tổ chức tham gia vào thực hành chuyên nghiệp. Chương trình thường kéo dài ba đến bốn năm nghiên cứu toàn thời gian.

### **Bằng Tiến sĩ**

Bằng Tiến sĩ là trình độ nghiên cứu học thuật cao nhất và tập trung vào sự hiểu biết phản biện trong một lĩnh vực học tập và các kỹ năng nghiên cứu chuyên ngành. Sinh viên tốt nghiệp được kỳ vọng sẽ thực hiện nghiên cứu tạo ra một đóng góp đầu tiên đáng kể cho tri thức dưới hình thức kiến thức mới hoặc kiến thức thay thế quan trọng mới, áp dụng và diễn giải những tri thức hiện có. Các chương trình thường kéo dài ba đến bốn năm nghiên cứu toàn thời gian.

Tất cả các chương trình cấp Bằng Tiến sĩ đều yêu cầu hoàn thành luận án, luận văn hoặc tương tự. Nó thường được kiểm tra bởi hai hoặc ba chuyên gia học thuật có vị thế quốc tế, ít nhất hai trong số đó phải không thuộc cơ sở giáo dục.

#### ***Bằng Tiến sĩ (Nghiên cứu)***

Bằng Tiến sĩ Nghiên cứu là do nghiên cứu có giám sát và một luận án gốc. Ít nhất hai phần ba của chương trình phải bao gồm nghiên cứu. Các môn học nâng cao có thể được đưa vào để hỗ trợ các kết quả nghiên cứu và đóng góp của học sinh vào kiến thức ban đầu.

#### ***Bằng Tiến sĩ (Thực hành)***

Các bằng Tiến sĩ Thực hành đòi hỏi phải có thực hành chuyên môn đáng kể trước hoặc là một phần của chương trình. Các chương trình bao gồm các môn học có cấu trúc và nghiên cứu độc lập được giám sát. Chương trình bao gồm ít nhất hai năm nghiên cứu. Thực hành chuyên môn dựa trên nghiên cứu, một cơ quan chuyên nghiệp, theo luật định hoặc cơ quan quản lý có thể cùng tham gia vào chương trình nhằm hỗ trợ các kết quả nghiên cứu.

### ▪ **Yêu cầu đầu vào**

#### **Yêu cầu đầu vào các chương trình đại học**

##### **Bằng Trung cấp, Trung cấp nâng cao, Cao đẳng, Cử nhân**

Nhập học đại học thường dựa trên Xếp hạng Nhập học Đại học Australia (ATAR) của học sinh. ATAR được tính toán bởi Trung tâm Tiếp nhận Đại học (TAC) của một bang hoặc vùng lãnh thổ (xem bảng trang sau) dựa trên Giấy chứng nhận Giáo dục Trung học Phổ thông của chương trình học. ATAR được báo cáo trên thang điểm từ 0 đến 99,95 với các gia số là 0,05. Một ATAR cho biết xếp hạng của sinh viên so với các sinh viên khác, ví dụ: ATAR 90.00 giúp một sinh viên vào top 10 phần trăm số người theo nhóm của họ. ATAR được sử dụng ở tất cả các tiểu bang và lãnh thổ ngoại trừ Queensland, Queensland sử dụng một hệ thống xếp hạng tương tự các Vị trí Tổng thể (Overall Positions - OPs) và Vị trí Lĩnh vực (Field Positions - FPs).

Các cách nhập học khác bao gồm:

- Một văn bằng học tập và đào tạo nghề (VET), như Chứng chỉ III hoặc IV
- Các khóa học dự bị Đại học ngắn hạn



- Các yêu cầu bổ sung như phỏng vấn, tổng hợp những tác phẩm đã thực hiện, các khóa học tiên quyết, và/hoặc kinh nghiệm làm việc liên quan tới chương trình học
- Nhập học cho độ tuổi trưởng thành dành cho sinh viên trên 25 tuổi dựa trên kinh nghiệm làm việc có liên quan, một kỳ thi tuyển sinh, phỏng vấn hoặc tổng hợp những tác phẩm đã thực hiện.

### Trách nhiệm nhập học Đại học trong nước của từng bang và vùng lãnh thổ

State/Territory	Responsibility for domestic undergraduate tertiary admissions in each state and territory	Website
Australian Capital Territory	Universities Admissions Centre (UAC)	<a href="http://www.uac.edu.au">www.uac.edu.au</a>
New South Wales	Universities Admissions Centre (UAC)	<a href="http://www.uac.edu.au">www.uac.edu.au</a>
Northern Territory	South Australian Tertiary Admissions Centre (SATAC)	<a href="http://www.satac.edu.au">www.satac.edu.au</a>
Queensland	Queensland Tertiary Admissions Centre (QTAC)	<a href="http://www.qtac.edu.au">www.qtac.edu.au</a>
South Australia	South Australian Tertiary Admissions Centre (SATAC)	<a href="http://www.satac.edu.au">www.satac.edu.au</a>
Tasmania	University of Tasmania (UTAS)	<a href="http://www.utas.edu.au">www.utas.edu.au</a>
Victoria	Victorian Tertiary Admissions Centre (VTAC )	<a href="http://www.vtac.edu.au">www.vtac.edu.au</a>
Western Australia	Tertiary Institutions Service Centre (TISOnline)	<a href="http://www.tisc.edu.au">www.tisc.edu.au</a>



## Bằng Cử nhân Danh dự

Việc nhập học vào một chương trình Bằng Cử Nhân Danh dự thường dựa trên thành tích học tập cao của chương trình Bằng Cử Nhân liên quan.

## Yêu cầu nhập học chương trình sau đại học

### Chứng nhận Sau đại học và Văn bằng Sau đại học

Nhập học thường dựa trên bằng Cử nhân những cũng có thể dựa trên kinh nghiệm làm việc liên quan tùy thuộc vào lĩnh vực học tập.

### Bằng Thạc sỹ

Nhập học thường dựa trên Bằng Cử nhân.

Nhập học Bằng Thạc sỹ nghiên cứu có thể yêu cầu Bằng Cử nhân Danh dự, Văn bằng Sau đại học dựa trên nghiên cứu hoặc khóa học dự bị mà tín chỉ sẽ được tính cho chương trình Thạc sỹ bằng nghiên cứu.

Đối với chương trình Bằng Thạc sỹ tín chỉ, nhập thường dựa trên bằng Cử nhân nhưng cũng có thể dựa trên Chứng nhận Sau đại học và Văn bằng Sau đại học mà tín chỉ được tính cho chương trình Thạc sỹ tín chỉ.

Đối với chương trình Bằng Thạc sỹ (Mở rộng), nhập học thường dựa trên Bằng Cử nhân.

## Bằng Tiến sĩ

Nhập học thường dựa trên bằng Thạc sỹ nghiên cứu hoặc Bằng Cử nhân Danh dự (*First hoặc Second Class, Upper Division*)

## Chuyển đổi tín chỉ và Công nhận học tập trước đó

Chuyển đổi tín chỉ liên quan đến việc công nhận việc học tập chính thức trước đó nhằm hỗ trợ học tập Đại học, và nhờ đó không cần lặp lại nghiên cứu giống như vậy.

Chuyển đổi tín chỉ được áp dụng trong cả chương trình đại học và sau đại học theo quy định của cơ sở giáo dục. Tín chỉ cũng có thể được tính cho việc học tập và đào tạo nghề (VET) trước đó. Chính sách Lộ trình Văn bằng của Khung trình độ Australia xác định số tín chỉ tối thiểu được đề xuất cho một số trình độ nghề và giáo dục phổ thông.

Công nhận học tập trước đó (Recognition of Prior Learning - RPL) cung cấp quá trình cho các cá nhân muốn công nhận đào tạo trước đó, kinh nghiệm làm việc, phát triển nghề nghiệp, giấy phép hành nghề, kiểm tra, giáo dục và đào tạo dựa trên làm việc. Các quyết định về chuyển đổi tín chỉ và công nhận học tập trước đó được thực hiện riêng với quyết định nhập học. Sinh viên phải có đề nghị nhập học trước khi bất kỳ quyết định nào về tín chỉ và công nhận học tập trước đó được thực hiện.

Thông tin thêm về các hệ thống tín chỉ, xem trang 8.

### ▪ Các loại hình cơ sở giáo dục

Có ba loại hình cơ sở giáo dục đại học tại Australia:

- Trường đại học;
- Các cơ sở giáo dục đại học được tự kiểm định;
- Các cơ sở giáo dục đại học không được tự kiểm định.

Tất cả các cơ sở giáo dục đại học đều được đảm bảo chất lượng bởi Cơ quan Tiêu chuẩn và Chất lượng Giáo dục Đại học (TEQSA) và những trường được công nhận có thể được tìm thấy tại [www.teqsa.gov.au](http://www.teqsa.gov.au). Tất cả các cơ sở giáo dục đại học cấp văn bằng theo Khung trình độ Australia (AQF) phải được đăng ký với TEQSA.



## Các trường đại học

Lĩnh vực Giáo dục đại học của Australia bao gồm 43 trường đại học trong đó có 40 trường đại học của Australia (37 trường công và 3 trường tư), 1 trường đại học chuyên ngành và 2 trường đại học nước ngoài. Những trường đại học đang làm việc tại Australia phải được thành lập hoặc được công nhận theo luật liên bang hoặc luật tiểu bang và vùng lãnh thổ. Các trường đại học là những trường học đa ngành và tự chủ. Họ tự chịu trách nhiệm cấu trúc quản lý, tài chính, cần bộ công nhân viên, nhập học, bảo đảm chất lượng trong trường (bao gồm công nhận khóa học) và chương trình học. Tất cả các trường đại học có thể tự chứng nhận, cung cấp các khóa học đại học và sau đại học, thực hiện nghiên cứu, đóng góp vào kết quả giáo dục đại học, thực hành tốt trong giảng dạy và học tập, tham gia vào cộng đồng và cung cấp chất lượng giáo dục đại học.

Các trường đại học tại Australia có quy mô khác nhau. Số lượng sinh viên nhập học từ 2,000 đến 60,000 sinh viên. Các trường đại học có thể có cơ sở tại các thành phố lớn hoặc ở trung tâm các vùng nhỏ hơn. Các trường đại học lớn thường có nhiều cơ sở bao gồm cả cơ sở ngoài Australia. Phần lớn các trường đại học được tổ chức bởi các khoa và trường nhưng cũng có thể có các trung tâm nghiên cứu chuyên ngành hoặc các viện nghiên cứu.

## Những cơ sở giáo dục đại học được tự công nhận

Có một số lượng nhỏ những cơ sở giáo dục đại học được thành lập hoặc được công nhận theo luật bang hoặc vùng lãnh thổ và có thể tự công nhận những chương trình học của riêng họ. Những trường học này thường tập trung vào cung cấp những chương trình học thuộc một lĩnh vực nghiên cứu đặc biệt. Họ thường là các học viện, các trường cao đẳng hoặc các trường học.

## Các cơ sở giáo dục đại học không được tự công nhận

Có 123 cơ sở giáo dục đại học không được tự công nhận được đăng ký bởi TEQSA, cung cấp những khóa học đại học được công nhận. Bên cạnh việc cung cấp ít nhất một chương trình học được TEQSA công nhận, những cơ sở này còn phải đáp ứng những tiêu chuẩn đăng ký của TEQSA.

### ▪ Công nhận và Đảm bảo chất lượng

Đảm bảo chất lượng giáo dục đại học là trách nhiệm của những cơ sở giáo dục, chính phủ Australia, các cơ quan cấp cao và các bên liên quan trong ngành giáo dục.

## Cơ quan tiêu chuẩn và chất lượng giáo dục đại học

Cơ quan Tiêu chuẩn và Chất lượng Giáo dục Đại học (TEQSA) là cơ quan quốc gia chỉ đạo và đảm bảo chất lượng giáo dục đại học của Australia. TEQSA đảm bảo thống nhất quốc gia trong giáo dục đại học và duy trì danh tiếng của Australia về giáo dục chất lượng cao. TEQSA đảm bảo rằng các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng thông qua các quy trình đăng ký và tái đăng ký, cũng như công nhận và tái kiểm định những khóa học của những cơ sở không được tự công nhận. Cách tiếp cận của TEQSA dựa trên ba nguyên tắc: Sự cần thiết phải điều chỉnh, rủi ro đang phải đối mặt và quy định theo tỷ lệ. Điều này có nghĩa là nguyên tắc tiếp cận của TEQSA là khác nhau giữa những cơ sở giáo dục dựa trên những kết quả ghi lại trước đó của họ và quy cơ không làm theo Khung tiêu chuẩn Đại học trong tương lai.





TEQSA cũng giám sát việc cung cấp các dịch vụ giáo dục và đào tạo cho sinh viên quốc tế tại Australia thông qua Đạo luật ESOS (*Education Services for Overseas Students Act*) năm 2000. Xem thêm thông tin tại: [Đảm bảo chất lượng giáo dục Quốc tế](#), trang 72.

### **Khung Tiêu chuẩn Giáo dục Đại học**

Khung Tiêu chuẩn Giáo dục Đại học là tiêu chuẩn để TEQSA đăng ký và đánh giá các tổ chức giáo dục đại học. Những tiêu chuẩn này bao gồm những vấn đề đảm bảo chất lượng như học tập và giảng dạy, nghiên cứu, quản lý và điều hành.

Một cơ sở giáo dục phải tuân thủ Khung Tiêu chuẩn Giáo dục Đại học để được đăng ký như một cơ sở giáo dục đại học tại Australia bởi TEQSA. TEQSA có thẩm quyền để thi hành các tiêu chuẩn này theo Luật Cơ quan Tiêu chuẩn và Chất lượng Giáo dục Đại học năm 2011 (*Tertiary Education Quality and Standards Agency Act 2011*).

### **Cơ sở giáo dục được tự kiểm định**

Các cơ sở giáo dục tự kiểm định được quyền công nhận những chương trình của riêng họ theo Khung Tiêu chuẩn Giáo dục Đại học thay vì cần TEQSA công nhận. Những trường học này phải đăng ký với TEQSA và đáp ứng được những yêu cầu để trở thành cơ sở giáo dục được tự kiểm định. Tất cả các trường đại học, một số nhỏ những cơ sở phi đại học có quyền tự công nhận các chương trình học của họ.

Các trường học được tự công nhận có những quy trình nội bộ để công nhận những khóa học mới. Quy trình này bao gồm tham vấn với ngành hoặc những cơ quan chuyên môn liên quan và xem xét phê duyệt chính thức bởi các hội đồng khoa học. Các chương trình học phải được xem xét để tái công nhận ít nhất bảy năm một lần.

Xem thêm thông tin tại: <https://www.teqsa.gov.au/>

### **Công nhận chương trình học**

Trong khi những cơ sở giáo dục được tự kiểm định có quyền công nhận những chương trình học của họ thì những cơ sở giáo dục không được tự kiểm định phải nhờ đến sự công nhận của TEQSA cho từng chương trình học của họ, và khóa học được công nhận là những khóa học cấp chứng nhận AQF.

Để được TEQSA công nhận, những trường này phải đáp ứng được những tiêu chuẩn liên quan quy định trong Khung Tiêu chuẩn Giáo dục Đại học. Công nhận có hiệu lực nhiều nhất là 7 năm.

### **Những cơ quan nghề nghiệp**

Cơ quan nghề nghiệp công nhận những khóa học đại học trong một vài nghề nhất định. Việc này bổ sung cho công nhận bởi TEQSA hoặc cơ sở giáo dục được tự kiểm định và đảm bảo những sinh viên tốt nghiệp đáp ứng được những yêu cầu cho việc đăng ký, cấp phép và trở thành nhân viên, hoặc thực hành nghề. Ví dụ, Hội đồng Y khoa Australia chịu trách nhiệm kiểm định những cơ sở giáo dục và chương trình học trong ngành y của họ.

Trong khi quyết định công nhận bởi các cơ quan nghề nghiệp tách biệt với công nhận chương trình học dựa vào Khung Tiêu chuẩn Giáo dục Đại học thì những tiêu chuẩn này vẫn yêu cầu các chương trình học đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp Australia.

- **Quản lý và tài chính**





Chính phủ Australia có chính sách và trách nhiệm tài chính với giáo dục đại học. Những chính sách và chương trình học được quản lý bởi Sở Giáo dục và Đào tạo, việc cung cấp ngân quỹ được quy định trong Luật Hỗ trợ Giáo dục Đại học năm 2003 (*Higher Education Support Act 2003*)

Chính phủ Australia tài trợ cho các cơ sở giáo dục đại học. Như một điều kiện của tài trợ, các cơ sở phải đáp ứng được nhiều yêu cầu về chất lượng và trách nhiệm giải trình được nêu trong Luật Hỗ trợ Giáo dục Đại học 2003. Luật pháp yêu cầu một tổ chức phải: hoạt động ở mức chất lượng hợp lý; tuân thủ một cơ quan kiểm định có thẩm quyền được liệt kê trong Danh sách Khung tiêu chuẩn Australia; và được kiểm tra bởi một cơ quan chất lượng độc lập (tức là TEQSA).

## **Học phí**

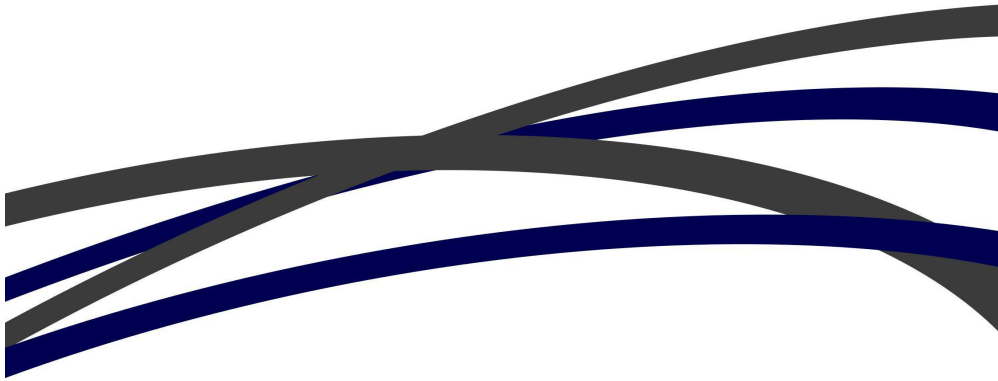
Giáo dục Đại học tại Australia yêu cầu sinh viên phải đóng góp một khoản tiền chi trả tiền học. Số tiền sinh viên phải đóng và thời gian họ phải đóng tùy thuộc vào loại sinh viên và cơ sở giáo dục họ đăng ký. Sinh viên đủ điều kiện có thể nhập học với tư cách sinh viên được Khôi thịnh vượng hỗ trợ nếu khóa học và trường học của họ thu hút trợ cấp chính phủ hoặc có thể ghi danh vào những khóa học trả phí tại những trường không được trợ cấp. Chính phủ quản lý Chương trình Nợ Đại học (Higher Education Loan Programme – HELP), chương trình này bao gồm một số khoản nợ để giúp đỡ sinh viên với những khoản học phí trả trước. Sinh viên chỉ được yêu cầu bắt đầu chi trả khoản nợ của mình khi thu nhập của họ vượt ngưỡng tối thiểu.

Để biết thêm thông tin về hỗ trợ tài chính bao gồm cả học bổng, truy cập:

[www.studyassist.gov.au](http://www.studyassist.gov.au)



## Giáo dục và đào tạo nghề





## ▪ Giáo dục và Đào tạo nghề tại Australia

Giáo dục và đào tạo nghề ở Australia (Vocational Education and Training – VET) cung cấp đào tạo chất lượng cao và được quốc gia công nhận.

Ngành Giáo dục và đào tạo nghề (VET) tại Australia được xây dựng trên cơ sở hợp tác chặt chẽ giữa chính phủ, các cơ sở giáo dục và đào tạo nghề với các cơ quan công nghiệp. Các chính phủ cung cấp tài chính, phát triển các chính sách và cung cấp các quy định, và đảm bảo chất lượng của ngành. Các nhóm ngành công nghiệp và người sử dụng lao động đóng góp vào các chính sách và ưu tiên đào tạo, vào phát triển các chất lượng có thể cung cấp kỹ năng cho lực lượng lao động.

Ngành Giáo dục và đào tạo nghề (VET) của Australia rất linh hoạt với nhiều lộ trình học để đạt được chứng nhận của Khung trình độ Australia (AQF). Giáo dục và đào tạo nghề có thể diễn ra tại các trường học, tại nơi làm việc, và tại những tổ chức đào tạo đã đăng ký. Hình thức đào tạo bao gồm toàn thời gian, bán thời gian, học trực tuyến, đào tạo từ xa, học nghề, thực tập và thông qua công nhận giáo dục trước đó (Recognition of Prior Learning – RPL).

### ▪ Các khóa học và chứng chỉ

Chứng chỉ VET dựa trên năng lực và tập trung vào các kỹ năng đạt được. AQF hỗ trợ những lộ trình học tập linh hoạt.

Các gói đào tạo và các khóa học được công nhận bởi các Tổ chức Đào tạo Đăng ký (RTOs) dẫn đến các bằng cấp AQF sau đây:

- Chứng chỉ I, Chứng chỉ II, Chứng chỉ III và Chứng chỉ IV
- Bằng Trung cấp và Trung cấp nâng cao
- Giấy chứng nhận Sau đại học và Văn bằng Sau đại học (trước đây là Giấy chứng nhận tốt nghiệp nghề nghiệp và Văn bằng tốt nghiệp nghề nghiệp).

Chứng chỉ VET được cung cấp ở các mức độ AQF từ 1 đến 6 và cấp độ 8.

Để biết thêm thông tin về các bằng cấp được mô tả dưới đây, xem tại website của AQF: <https://www.aqf.edu.au/>

Thời lượng chương trình học mô tả cho các văn bằng VET dưới đây đề cập tới khối lượng danh nghĩa của việc học. Tuy nhiên thời lượng chương trình học có thể khác nhau tùy thuộc vào khả năng đáp ứng các kỹ năng và năng lực mới. Thời lượng học có thể bị ảnh hưởng bởi những kỹ năng đạt được trước đó, tốc độ học được kỹ năng, khả năng mới và kết quả học tập, công nhận học tập trước đó hoặc kỹ năng hiện tại.

Những điều tiêu chí trên có thể giảm thời lượng học tập.

### Các gói đào tạo

Các gói đào tạo được phát triển để đáp ứng nhu cầu của ngành công nghiệp, hoặc một nhóm ngành công nghiệp, những kỹ năng và kiến thức chuyên môn cần có để làm việc hiệu quả tại nơi làm việc.

Mỗi gói đào tạo bao gồm ba thành phần:

- Đơn vị năng lực: Những xác nhận miêu tả những kỹ năng và kiến thức để làm việc hiệu quả và cách vận dụng chúng để làm việc hiệu quả tại nơi làm việc.
- Chứng chỉ: Những nhóm đơn vị năng lực được tập hợp lại để tạo nên chứng chỉ từ cấp độ giấy chứng nhận I (*Certificate I*) đến cấp độ Văn bằng Tốt nghiệp, điều này đáp ứng những yêu cầu trong Khung trình độ Australia (AQF).



- Những yêu cầu đánh giá: Cách tiếp cận đánh giá được yêu cầu của nền công nghiệp, bao gồm những chứng chỉ yêu cầu bởi những nhà đánh giá, thiết kế quy trình đánh giá và cách những đánh giá đó nên được tiến hành.

### **Các khóa học được công nhận**

Nếu không có gói đào tạo được cung cấp trong một lĩnh vực nhất định thì ASQA có thể công nhận những khóa học VET, đây thường được biết là những khóa học được công nhận. Để đủ tư cách được công nhận, một khóa học phải dựa vào nhu cầu của nền công nghiệp, không được sao chép kết quả học tập gói đào tạo và chứng chỉ cuối cùng phải tuân thủ Khung trình độ Australia. Các khóa học được công nhận giải quyết các kỹ năng yêu cầu cho ngành công nghiệp, các doanh nghiệp và cộng đồng.

Các chương trình bao gồm các nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn liên quan đến năng lực hoặc mô-đun. Tỷ lệ lý thuyết và thực tiễn thay đổi tùy thuộc vào lĩnh vực hoặc ngành nghề và trình độ của kỹ năng đang được phát triển. Việc đào tạo thực tiễn có thể được tiến hành tại RTO hoặc tại nơi làm việc.



## Danh sách đăng ký Quốc gia

Training.gov.au là danh sách đăng ký quốc gia cho trình độ VET và cung cấp thông tin về:

- Các tổ chức Đào tạo đã đăng ký (Registered Training Organisations – RTOs)
- Các gói đào tạo và những tiêu chuẩn kỹ năng.
- Chứng chỉ quốc gia dựa trên các gói đào tạo
- Những khóa học được công nhận không nằm trong phạm vi các gói đào tạo
- Chính quyền đào tạo bang và vùng lãnh thổ.

Để tìm hiểu thêm thông tin, truy cập website: [www.training.gov.au](http://www.training.gov.au)

## Chứng chỉ I, II, III và IV

Chứng chỉ I, II, III hoặc IV có thể đạt được thông qua một số con đường bao gồm đào tạo dựa trên RTO, đào tạo dựa trên trường học, học nghề, thực tập, và công nhận học tập trước đây (RPL).

Ngoài các kỹ năng văn hóa, số học và giao tiếp, sinh viên được kỳ vọng sẽ đạt được năng lực trong lĩnh vực mình đã chọn. Chiều sâu và phạm vi của những kỹ năng này trở nên phức tạp hơn với mỗi cấp độ chứng chỉ. Sinh viên tốt nghiệp có thể tiếp tục lên giáo dục nghề cao hơn, học lên đại học hoặc tham gia vào thị trường lao động.

### Chứng chỉ I

Chương trình Chứng chỉ I là chương trình dự bị và sinh viên tốt nghiệp đạt được kiến thức và kỹ năng cơ bản trong phạm vi làm việc hoặc học tập hẹp. Kiến thức và kỹ năng ở cấp độ này liên quan đến các kỹ năng thiết thực cơ bản, kỹ năng giao tiếp cơ bản và khả năng thực hiện các hoạt động thường nhật và những hoạt động có thể dự đoán được với sự tự chủ hạn chế. Các chương trình thường kéo dài từ sáu tháng đến một năm học toàn thời gian.

### Chứng chỉ II

Chương trình Chứng chỉ II giúp sinh viên tốt nghiệp đạt được những kiến thức cơ bản, kỹ thuật và có phương pháp cơ bản trong một môi trường làm việc được xác định. Kiến thức và kỹ năng ở cấp độ này liên quan đến khả năng thực hiện các hoạt động thường nhật và áp dụng các giải pháp đã biết một cách chủ động và quyết đoán trong một phạm vi giới hạn các vấn đề có thể đoán trước được. Các chương trình thường kéo dài từ sáu tháng đến một năm học toàn thời gian.

### Chứng chỉ III

Chương trình Chứng chỉ III cho phép sinh viên tốt nghiệp đạt được kiến thức và kỹ năng mang tính thực tế, kỹ thuật, có phương pháp và lý thuyết trong một lĩnh vực làm việc hoặc học tập. Kiến thức và kỹ năng ở cấp độ này liên quan đến khả năng thực hiện các công việc thường ngày và một số công việc kỹ thuật lành nghề không thường xuyên trong các bối cảnh đã biết, áp dụng các giải pháp cho các vấn đề dự đoán được và quản lý các vấn đề không mong đợi. Khả năng chuyển đổi kỹ năng và kiến thức được giới thiệu ở cấp độ này, và các chương trình nhấn mạnh trách nhiệm về kết quả đầu ra và chịu trách nhiệm giới hạn đối với công việc của người khác.



Các chương trình thường kéo dài từ một đến hai năm học toàn thời gian. Nhiều chương trình Học nghề ở Australia dẫn đến Chứng chỉ III, và các chương trình này thường được đào tạo hoặc làm việc nhiều hơn ba hay bốn năm.

### **Chứng chỉ IV**

Chương trình chứng chỉ IV cho phép sinh viên tốt nghiệp đạt được một cơ sở tri thức rộng lớn bao gồm kiến thức thực tế, kỹ thuật và lý thuyết trong một lĩnh vực làm việc hoặc học tập. Văn bằng này hướng tới ngành nghề yêu cầu tay nghề cao và học lên cao hơn. Kiến thức và kỹ năng tại cấp độ này liên quan tới những nhiệm vụ kỹ thuật chuyên môn hoặc làm việc trong bối cảnh đã biết trước hoặc bối cảnh mới; áp dụng những giải pháp kỹ thuật vào các vấn đề; kỹ năng giao tiếp; giám sát và dẫn dắt tại nơi làm việc. Những khóa học này thường kéo dài từ sáu tháng tới hai năm học toàn thời gian. Rất nhiều nghề nghiệp và lĩnh vực học tập nằm trong phạm vi trình độ bậc này bao gồm cả một số lượng nhỏ những trung tâm đào tạo nghề tại Australia.

### **Bằng trung cấp (Diploma)**

Các chương trình văn bằng trung cấp giúp sinh viên đủ điều kiện cho những công việc đòi hỏi tay nghề cao và công việc phụ tá hoặc học lên cao hơn. Kiến thức và kỹ năng ở cấp độ này thể hiện sự hiểu biết về cơ sở tri thức sâu rộng kết hợp với các khái niệm lý thuyết trong một số lĩnh vực. Những kiến thức này bao gồm khả năng phân tích và lập kế hoạch phương pháp tiếp cận các vấn đề kỹ thuật hoặc các yêu cầu quản lý; chuyên giao và áp dụng các khái niệm lý thuyết và/hoặc kỹ năng kỹ thuật hoặc sáng tạo trong nhiều tình huống; phân tích và đánh giá thông tin, ứng dụng hoặc khóa học. Các chương trình thường kéo dài từ một đến hai năm học toàn thời gian.

Sinh viên tốt nghiệp có thể bắt đầu tham gia vào thị trường lao động hoặc tiếp tục học trong ngành VET (thường là một chương trình Văn bằng nâng cao), hoặc trong lĩnh vực giáo dục đại học (thường với một năm tín chỉ trong một chương trình Bằng Cử Nhân liên quan). Bằng Trung cấp cũng được cung cấp như một chứng chỉ đào tạo đại học.

### **Bằng Trung cấp Nâng cao (Advanced Diploma)**

Chương trình trung cấp nâng cao chuẩn bị cho sinh viên tốt nghiệp cho công việc phụ tá; công việc đòi hỏi tay nghề cao hoặc học lên cao hơn. Kiến thức và kỹ năng ở cấp độ này bao gồm kiến thức rộng về lý thuyết và kỹ thuật thuộc chuyên môn hoặc thuộc lĩnh vực làm việc và học tập rộng lớn. Sinh viên tốt nghiệp được kỳ vọng sẽ thể hiện kiến thức chuyên môn; kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề; giao tiếp trong một loạt các tình huống chuyên biệt. Các chương trình thường kéo dài từ mười tám tháng đến hai năm học toàn thời gian.

Sinh viên tốt nghiệp trung cấp nâng cao có thể tham gia vào thị trường lao động hoặc học lên cao hơn trong lĩnh vực giáo dục đại học (thường là từ một đến hai năm tín chỉ trong một chương trình Bằng Cử Nhân liên quan). Văn bằng trung cấp nâng cao cũng được cung cấp như một bằng giáo dục đại học.

### **Giấy chứng nhận tốt nghiệp và văn bằng tốt nghiệp (Graduate Certificate and Graduate Diploma)**

Giấy chứng nhận tốt nghiệp và Văn bằng tốt nghiệp (trước đây là Giấy chứng nhận tốt nghiệp nghề và văn bằng tốt nghiệp nghề) được cấp trong lĩnh vực VET mang tính





hướng nghiệp nhiều hơn Giấy chứng nhận tốt nghiệp hoặc văn bằng tốt nghiệp trong lĩnh vực giáo dục đại học. Các chương trình học tập trung vào kỹ năng công nghiệp. Họ cũng cung cấp lộ trình VET từ Bằng Cử nhân cho các ngành chuyên môn hoặc những năng lực nghề nghiệp cụ thể.

Học viên tốt nghiệp có thể tham gia vào thị trường lao động hoặc theo một vài quy định tiếp tục học, tiếp tục học lên trình độ Thạc sĩ trong giáo dục đại học.

Để biết thêm thông tin về Giấy chứng nhận tốt nghiệp và Văn bằng tốt nghiệp, đọc trang 10 và trang 11.

## Học nghề tại Australia

Học nghề tại Australia là kế hoạch học nghề và thực tập quốc gia. Học nghề tại Australia là hợp đồng đào tạo giữa người sử dụng lao động và người học nghề. Học viện thỏa thuận sẽ đạt được một cấp độ năng lực thông qua việc kết hợp đào tạo và tập huấn dựa trên công việc với RTO. Những khóa học này có thể được thực hiện dưới dạng học toàn thời gian hoặc bán thời gian và dự vào các gói đào tạo.

Những khóa học mang tới những kỹ năng được công nhận toàn quốc bởi ngành công nghiệp liên quan và chứng chỉ AQF. Học nghề tại Australia bao gồm cả lĩnh vực thương mại truyền thống và lĩnh vực phi thương mại trong ngành dịch vụ và lĩnh vực phụ tá. Các chuyên ngành bao gồm nông nghiệp, ô tô, kiến trúc và xây dựng, kinh doanh và dịch vụ tài chính, sức khỏe và dịch vụ cộng đồng, làm tóc, trồng trọt, công nghệ thông tin, sản xuất, dịch vụ công cộng, bán lẻ và viễn thông.

Phê duyệt các hình thức đào tạo nghề Học nghề tại Australia là trách nhiệm của các cơ quan đào tạo của tiểu bang và lãnh thổ trong hợp tác với người sử dụng lao động và các RTO. Tất cả các thỏa thuận đào tạo được đăng ký với cơ quan đào tạo của bang hoặc lãnh thổ có liên quan.

Tìm hiểu thêm thông tin tại: <https://www.australianapprenticeships.gov.au/>

## Đánh giá

Các khóa đào tạo và các khóa học được công nhận được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn năng lực cụ thể. Đánh giá được thực hiện trong và / hoặc vào cuối học kỳ.

Đánh giá nói chung dựa trên sự kết hợp của các bài kiểm tra hoặc các kỳ thi, dự án và các bài tập thực hành. Các khía cạnh lý thuyết và thực tiễn của chương trình được đánh giá bởi các giảng viên trong RTO. Bất cứ thành phần thực tập nào thường được nhân viên giảng dạy từ RTO đánh giá hoặc các chuyên viên đánh giá tại nơi làm việc thực hiện.

## Giấy chứng nhận kết quả (Statement of Attainment)

Giấy chứng nhận kết quả được cấp bởi các RTO cho học viên hoàn thành các đơn vị năng lực hoặc mô-đun của gói đào tạo hoặc khóa học được công nhận, nhưng không hoàn thành toàn bộ khóa học để nhận được văn bằng AQF. Giấy chứng nhận kết quả không phải là một văn bằng AQF mà chỉ thể hiện sự hoàn thành một hoặc nhiều đơn vị năng lực hoặc mô-đun được quốc gia công nhận. Giấy chứng nhận kết quả có thể được sử dụng để công nhận học tập trước đây để nhập học vào một khóa học nghề (VET), để chuyển đổi tín chỉ để nhập học vào khóa học bậc đại học hoặc cho mục tiêu việc làm.



### ▪ Yêu cầu đầu vào

Việc tham gia vào các chương trình giáo dục và dạy nghề (VET) rất linh hoạt. Có rất nhiều con đường bao gồm:

- Hoàn thành năm thứ 10
- Hoàn thành năm thứ 12
- Hoàn thành điều kiện tiên quyết
- Kinh nghiệm làm việc
- Chứng minh khả năng hoặc sự quan tâm
- Phỏng vấn.

Các chương trình có yêu cầu đầu vào của năm thứ 12 thường không yêu cầu Xếp hạng nhập học đại học Australia (Australian Tertiary Admission Rank – ATAR). Các chương trình có thể có điều kiện tiên quyết như toán học hoặc tiếng Anh ở trình độ Lớp 12.

Một số chương trình có điều kiện tiên quyết. Ví dụ, nhập học vào một khóa học cấp Văn bằng Quản lý Dịch vụ Cộng đồng có thể được dựa trên một Giấy chứng nhận IV trong dịch vụ cộng đồng hoặc Giấy chứng nhận III trong chăm sóc người cao tuổi. Xem xét thể hiện khả năng hoặc sự quan tâm trong lĩnh vực lựa chọn, kinh nghiệm làm việc hoặc phỏng vấn thường là điều kiện bổ sung cho yêu cầu tiêu chuẩn trình độ.



## Lộ trình giữa VET, Giáo dục Đại học và Việc làm

Hệ thống giáo dục của Australia hỗ trợ sự liên kết giữa các trình độ khác nhau hoặc các lĩnh vực đào tạo khác nhau, và giữa giáo dục và việc làm. Hệ thống cũng khuyến khích sự liên kết giữa các ngành, ví dụ từ VET đến giáo dục đại học hoặc ngược lại. Sự dịch chuyển giữa các bằng cấp được dựa trên các lộ trình liên kết được nêu trong Chính sách Lộ trình Bằng cấp của Hệ thống văn bằng Australia (AQF).

Chính sách Lộ trình bằng cấp của AQF (AQF Qualifications Pathways Policy) liên quan tới:

- Tín chỉ để nhập học vào một trình độ - trực tiếp chuyển tiếp từ một trình độ này với một trình độ khác, ví dụ như Chứng chỉ II trong một lĩnh vực liên quan với Chứng chỉ III trong một vài lĩnh vực.
- Tín chỉ đối với một trình độ - Nhập học từ một trình độ này vào một trình độ khác với tín chỉ được công nhận tích lũy bởi cơ sở giáo dục đại học hoặc qua thỏa thuận thương lượng giữa các học viện. Quyết định và thỏa thuận dựa vào các kết quả học tập, khối lượng nghiên cứu, nội dung khóa học và cách tiếp cận Học tập/đánh giá.

Tín chỉ có thể được cho dưới dạng:

- Tín chỉ Khối (Block Credit) – các bậc hoặc các năm học của chương trình
- Tín chỉ xác định (Specified Credit) – Những năng lực trong giáo dục và đào tạo nghề (VET) được công nhận một cách rõ ràng tương đương với các đơn vị trong giáo dục đại học
- Tín chỉ không xác định (Unspecified Credit) – Dưới dạng điểm tín chỉ khóa học hoặc tương đương.

## Công nhận học tập trước đây

Công nhận học tập trước đây (RPL) là một quá trình đánh giá được thực hiện bởi các RTO nơi các cá nhân nộp đơn yêu cầu đánh giá những kỹ năng và kiến thức hiện nay của họ.

RPL có thể giúp nhập học vào các khóa đào tạo nghề (VET), tín chỉ cho khóa học cụ thể hoặc cấp chứng chỉ cuối cùng.

Đánh giá RPL có thể dựa trên học tập chính thức trước đây, kinh nghiệm làm việc, học tập không chính thức được thực hiện cho lợi ích hoặc mối quan tâm cá nhân, học tập dựa tại công nghiệp hoặc tại nơi làm việc, và kinh nghiệm cuộc sống.

### ▪ Các loại hình cơ sở đào tạo

Giáo dục vào đào tạo nghề (VET) được cung cấp bởi các Tổ chức Đào tạo đã Đăng ký (RTOs). Các Tổ chức Đào tạo đã Đăng ký (RTOs) cấp các bằng cấp AQF và Giấy chứng nhận kết quả.

## Tổ chức Đào tạo Đăng ký (RTOs)

Các tổ chức này phải tuân thủ các yêu cầu và tiêu chuẩn của Khung Chất lượng của VET hoặc Khung đào tạo Chất lượng Australia. Tại Victoria và Tây Úc, các cơ quan đăng ký nhà nước vẫn chịu trách nhiệm về các RTO chỉ hoạt động trong tiểu bang đó theo các yêu cầu pháp lý hiện tại của họ. RTOs ở Victoria hoặc Tây Úc hoạt động ở



các tiểu bang hoặc vùng lãnh thổ khác hoặc cung cấp các chương trình VET cho sinh viên quốc tế được quản lý bởi Chính quyền Chất lượng Kỹ năng Australia (Australian Skills Quality Authority – ASQA).

Cho đến 2011 RTOs đã được đăng ký và đảm bảo chất lượng bởi các cơ quan đăng ký nhà nước và địa phương và Cơ quan Kiểm toán và Đăng ký quốc gia. Cơ quan Quản lý Chất lượng Kỹ năng Úc (ASQA) đã đảm nhận trách nhiệm cho Tasmania, Nam Úc và Queensland khi họ thông qua đạo luật đề cập đến quyền hạn đối với Khối thịnh vượng chung. theo Luật Dịch vụ Giáo dục cho Du học sinh năm 2000 (Đạo luật ESOS) do ASQA quản lý.

Có gần 5000 RTOs, bao gồm các Viện Kỹ thuật và Giáo dục Cao hơn (Technical and Further Education institutes – TAFEs), các cơ sở giáo dục công lập, và các cơ sở giáo dục tư thục. RTOs cung cấp các khóa học và cấp văn bằng theo AQF. Một số tổ chức đào tạo đã đăng ký cũng là cơ sở giáo dục đại học và được công nhận để cấp bằng giáo dục đại học như Bằng Cao đẳng và Bằng Cử nhân.



## **Tổ chức đào tạo đăng ký công lập**

Các tổ chức đào tạo đã đăng ký công lập bao gồm các trường Cao đẳng, Học viện và Viện Kỹ thuật và Giáo dục Cao hơn (TAFE) và một loạt các học viện chuyên môn.

Một số trường học và trường đại học cũng là RTOs công lập.

TAFEs là nhà cung cấp giáo dục vào đào tạo nghề lớn nhất tại Australia. Họ thuộc sở hữu và quản lý bởi các chính phủ tiểu bang và lãnh thổ. Một số TAFEs được liên kết với các trường đại học. Các TAFE cung cấp một phạm vi toàn diện các chương trình dưới dạng học tại trường, giáo dục trực tuyến hoặc từ xa, tại nơi làm việc và trong các trường học. Các TAFE chủ yếu vận hành trong hai học kỳ hoặc ba học kỳ một năm. Các chương trình dựa trên các Gói Đào tạo hoặc các khóa học được công nhận bởi ASQA hoặc cơ quan liên quan đào tạo của tiểu bang hoặc lãnh thổ.

## **Các tổ chức đào tạo đăng ký tư thực**

RTOs tư thực đôi khi được gọi là các nhà cung cấp tư. Họ có thể được gọi là trường cao đẳng, trường học hoặc học viện. Một số hiệp hội doanh nghiệp hoặc ngành công nghiệp cũng là RTOs.

Một số RTO tư thực chỉ cung cấp các dịch vụ đánh giá mà không cung cấp chương trình giáo dục và đào tạo. Họ cung cấp dịch vụ đánh giá cho các nhà tuyển dụng đang cung cấp đào tạo tại nơi làm việc hoặc đang tìm kiếm đánh giá về kỹ năng của nhân viên tại nơi làm việc.

## **Các tổ chức đào tạo đã đăng ký dành cho cộng đồng và người trưởng thành**

Các RTO trên cơ sở cộng đồng và người trưởng thành bao gồm:

- Các tổ chức dịch vụ công cộng lớn như cứu hỏa và bệnh viện
- Các tổ chức dịch vụ cộng đồng như các tổ chức từ thiện lớn, và các tổ chức thể thao
- Các tổ chức có truyền thống cung cấp Giáo dục Cộng đồng cho người Trưởng thành (Adult Community Education – ACE) như các trung tâm giáo dục người di cư trưởng thành, trung tâm học tập người trưởng thành, các trường cao đẳng buổi tối và cao đẳng cộng đồng.



## VET tại nơi làm việc

Những nơi làm việc có thể thuê một cơ sở đào tạo đã đăng ký cung cấp những chương trình đào tạo của họ cho nhân viên của mình. Một số nơi làm việc cũng đồng thời là một cơ sở đào tạo được đăng ký. Những nơi này thường được biết đến như doanh nghiệp RTOs. Một số khóa học tại nơi làm việc bao gồm:

- Đào tạo tại nơi làm việc kết hợp với đào tạo ngoài cơ sở đào tạo đã đăng ký.
- Chỉ đào tạo tại nơi làm việc
- Đánh giá kỹ năng tại nơi làm việc.

Đào tạo tại nơi làm việc cho phép tùy chỉnh những khóa đào tạo nhằm đáp ứng những nhu cầu của cả người sử dụng lao động và người lao động. Nó cho phép nhân viên toàn thời gian tiếp cận với việc học tập và nhân viên có thể đạt được công nhận cho những năm học tập tại chỗ làm. Việc này có thể cung cấp lộ trình đến sự công nhận mang tính toàn quốc cho nhân viên nếu RTO liên quan tới việc cung cấp và đánh giá đào tạo.

Để biết thêm thông tin, truy cập vào website: <https://training.gov.au/>

### ▪ Công nhận và đảm bảo chất lượng

Các yếu tố chính của hệ thống công nhận và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo nghề (VET) là:

- Cung cấp chất lượng thông qua Khung trình độ VET (VET Quality Framework) và Khung Chất lượng Đào tạo Australia (Australian Quality Training Framework – AQTF)
- Cơ quan quản lý VET quốc gia và Cơ quan quản lý của bang/vùng lãnh thổ
- Sản phẩm đào tạo chất lượng thông qua các gói đào tạo và những khóa học được công nhận
- Danh sách quốc gia những cơ sở giáo dục và đào tạo nghề và các khóa học.

Khung trình độ VET và AQTF cung cấp sự thống nhất quốc gia về đăng ký học viện, giám sát và thực thi các tiêu chuẩn.





## Khung Trình độ VET

Khung Trình độ VET đã được đưa ra trong *Luật Quản lý Giáo dục và Đào tạo Nghề nghiệp* năm 2011, bộ luật này cũng đã thành lập Chính quyền Quản lý Chất lượng Kỹ năng Australia (Austalian Skills Quality Authority – ASQA) làm Cơ quan Quản lý Giáo dục và Đào tạo Nghề Quốc gia (National VET Regulator – NVR). Tương tự AQTF, Khung Trình độ VET cung cấp nền tảng cho ngành giáo dục và đào tạo nghề (VET) có chất lượng và nhất quán trên phạm vi toàn quốc.

Khung Trình độ VET bao gồm các tiêu chuẩn về đăng ký, giám sát và đảm bảo chất lượng của ngành VET và tiêu chuẩn cho các quy trình kiểm định. Bao gồm:

- Tiêu chuẩn cho các Tổ chức Đào tạo đã Đăng ký
- Khung Trình độ của Australia
- Yêu cầu Phù hợp và Người thích hợp
- Yêu cầu Đánh giá Rủi ro Khả năng Tài chính
- Yêu cầu Cung cấp Dữ liệu.

Khung chất lượng của VET được hỗ trợ bởi các Tiêu chuẩn cho các khóa học được công nhận bởi VET, các tiêu chuẩn này xác định tiêu chuẩn thiết kế khóa học phải được tuân thủ theo.

## Khung chất lượng đào tạo Australia

Các bang và vùng lãnh thổ chưa tham chiếu đến quyền đăng ký và quyền hạn quy định với ASQA (Victoria và vùng Tây Úc) được yêu cầu đáp ứng được những yêu cầu của AQTF.

AQTF cung cấp cơ sở cho ngành VET có chất lượng cao và thống nhất quốc gia. Nó bao gồm các tiêu chuẩn đăng ký, kiểm toán và đảm bảo chất lượng của ngành VET và các tiêu chuẩn cho các quy trình kiểm định. Bao gồm:

- Tiêu chuẩn cho các Tổ chức Đào tạo đã Đăng ký
- Tiêu chuẩn cho các cơ quan đăng ký nhà nước, địa phương
- Tiêu chuẩn cho các cơ quan kiểm định bang và vùng lãnh thổ
- Tiêu chuẩn cho các khóa học được công nhận.

Các tiêu chuẩn AQTF đã được phát triển một cách hợp tác với Chính phủ Australia, các chính phủ tiểu bang và lãnh thổ, các tổ chức công nghiệp và đào tạo.

## Cơ quan Quản lý Chất lượng Kỹ năng Australia

ASQA là cơ quan quản lý Giáo dục và Đào tạo nghề (VET) quốc gia. ASQA chịu trách nhiệm điều chỉnh những Tổ chức Đào tạo đã Đăng ký (RTOs) tại vùng Thủ đô Australia, New South Wales, Vùng lãnh thổ phía Bắc, phía Nam Australia, Queenlands và Tasmania. Victoria và vùng Tây Australia vẫn chưa đề cập quyền hạn quy định của họ theo thẩm quyền của ASQA.

ASQA bảo đảm chất lượng ngành VET bằng cách thực hiện theo Tiêu chuẩn các Tổ chức Đào tạo đã đăng ký (RTOs) năm 2015 và Tiêu chuẩn cho những khóa học VET được chứng nhận. ASQA cũng chịu trách nhiệm cho tất cả RTOs cung cấp những khóa học VET cho sinh viên quốc tế theo Luật Dịch vụ Giáo dục cho Sinh viên Nước ngoài năm 2000.

Trước khi ASQA đảm nhận những trách nhiệm trên, mỗi tiểu bang và lãnh thổ đều có cơ quan quản lý VET đảm bảo chất lượng các RTOs và những khóa học đã được công nhận thuộc thẩm quyền của họ. Các quyết định của các cơ quan này trong việc giới thiệu các tiểu bang và lãnh thổ vẫn có hiệu lực cho đến khi chúng hết hạn hoặc ASQA



đăng ký lại hoặc tái xác nhận RTO hoặc khóa học. Tại Victoria và Tây Úc, các cơ quan quản lý nhà nước duy trì các chức năng này.

### **Các gói Đào tạo**

Hội đồng Kỹ năng Công nghiệp (Industry Skills Council – ISCs) chịu trách nhiệm cho sự phát triển và duy trì của các gói đào tạo cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 khi những thỏa thuận mới sẽ thay thế cho sự phát triển của những sản phẩm đào tạo (xem thêm Phát triển sản phẩm đào tạo của ngành Công nghiệp Australia trang 30). Những gói đào tạo được phát triển và xác nhận thông qua nghiên cứu sâu rộng và sự tư vấn của các bên trong ngành Công nghiệp. Những gói đào tạo sau đó được Chính phủ Australia, chính quyền các tiểu bang và vùng lãnh thổ chứng thực và được thừa nhận để sử dụng toàn quốc.

RTOs hoặc các tổ chức hợp tác với một RTO được quyền cung cấp các Khóa Đào tạo.

### **Những khóa học được công nhận**

Những khóa học được công nhận thường được phát triển bởi những RTO và được công nhận bởi ASQA hoặc chính quyền đào tạo các bang và vùng lãnh thổ. Những quyết định công nhận của ASQA dựa trên Tiêu chuẩn những khóa học VET được công nhận. Các quyết định công nhận của chính quyền đào tạo bang và lãnh thổ được dựa trên các tiêu chuẩn công nhận khóa học của Khung Chất lượng Đào tạo Australia (Australian Quality Training Framework – AQTF)

### **Những đơn vị năng lực**

Các gói đào tạo và những khóa học được công nhận bao gồm những đơn vị năng lực. Một đơn vị năng lực là chứng nhận những kỹ năng cần thiết cho một công việc cụ thể được công nhận toàn quốc. Nó bao gồm khả năng ngôn ngữ, văn hóa và số học, sức khỏe nghề nghiệp và những yêu cầu an toàn hỗ trợ kiến thức và kỹ năng. Những đơn vị năng lực là nền tảng để công nhận kỹ năng, sự phát triển đào tạo và đánh giá kết quả học tập.

### **Hội đồng Kỹ năng Công nghiệp (ISCs)**

Hội đồng Kỹ năng Công nghiệp (ISCs) thể hiện sự quan tâm của ngành công nghiệp đối với lĩnh vực VET. Vai trò chính là để hỗ trợ phát triển các gói đào tạo đáp ứng nhu cầu của ngành công nghiệp. Một phần của quá trình này là đảm bảo chất lượng và sự tương thích của các gói đào tạo. Trong quá trình thực hiện, ISCs tham khảo ý kiến của những người sử dụng lao động, các hiệp hội và những liên đoàn nghề để thông báo nhu cầu của ngành công nghiệp. Họ cũng liên lạc với Chính phủ Australia, chính phủ các bang và vùng lãnh thổ về những yêu cầu kỹ năng của ngành công nghiệp. ISCs sẽ tiếp tục hoạt động cho tới khi có thỏa thuận mới thay thế về sự phát triển những sản phẩm đào tạo.

### **Ủy ban Công nghiệp và Kỹ năng Australia (AISC)**

Ủy ban Công nghiệp và Kỹ năng Australia (AISC) là cơ quan quốc gia chịu trách nhiệm giám sát hệ thống đào tạo quốc gia và sẽ cung cấp đầu vào của ngành công nghiệp về cải thiện chất lượng và sự tương thích của giáo dục và đào tạo nghề nghiệp. AISC bao gồm những thành viên được đề cử bởi Khối Thịnh vượng, bởi tất cả các tiểu bang và vùng lãnh thổ cũng như bởi những cơ quan đầu ngành công nghiệp.



## **Phát triển sản phẩm đào tạo cho nền công nghiệp Australia**

Vào ngày 21 tháng 04 năm 2015, Chính phủ Australia công bố Những Thỏa thuận mới về Phát triển Sản phẩm Đào tạo cho nền Công nghiệp Australia. Mô hình mới này sẽ đặt sự tham gia của nền công nghiệp vào trung tâm sự phát triển sản phẩm đào tạo và sẽ nhấn mạnh vai trò giám sát của nền công nghiệp với nội dung sản phẩm đào tạo. Mô hình mới được kỳ vọng sẽ bắt đầu có hiệu lực vào ngày 01 tháng 01 năm 2016 sẽ thành lập Những tổ chức Dịch vụ Kỹ năng (Skills Service Organisations – SSOs) nhằm hỗ trợ Ủy ban Tham vấn Công nghiệp (Industry Reference Committees – IRCs) với tư cách như một cầu nối cho kiến thức ngành để hướng dẫn sự phát triển những sản phẩm đào tạo.

## **Quản trị và tài chính**

Hệ thống giáo dục và dạy nghề quốc gia (VET) được củng cố bởi các chính sách, chiến lược quốc gia, quỹ tập hợp những cơ quan chủ chốt của ngành công nghiệp, những người sử dụng lao động, chính phủ, sinh viên và những Tổ chức Đào tạo đã đăng ký (RTOs) trong việc cung cấp giáo dục và đào tạo chất lượng cao.

## **Quản trị**

Hội đồng Chính phủ Australia (Council of Australia Governments – COAG)  
Hội đồng Chính phủ Australia (COAG), dù những những hội đồng và ủy ban liên quan là một trong những yếu tố quyết định của chính sách quốc gia trong lĩnh vực VET. Những hội đồng COAG bao gồm Bộ trưởng Chính quyền Australia và bộ trưởng chính quyền các tiểu bang và vùng lãnh thổ chịu trách nhiệm Giáo dục và Đào tạo và / hoặc nền công nghiệp và danh sách kỹ năng đạt được.

## **Vai trò và trách nhiệm của Chính phủ Australia**

Chính phủ Australia, thông qua Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm lãnh đạo trong chính sách quốc gia cho ngành VET. Chính phủ Australia hợp tác với chính phủ những tiểu bang và vùng lãnh thổ và ngành công nghiệp nhằm hỗ trợ cho sự bền vững quốc gia, mạch lạc và lĩnh vực VET chất lượng cao đáp ứng được nhu cầu lực lượng lao động Australia. Những trách nhiệm khác của Bộ Giáo dục và Đào tạo bao gồm tư vấn chính sách phát triển, nghiên cứu và phân tích nhằm thông báo tranh luận chính sách, quản lý những khóa học toàn quốc và những thỏa thuận và pháp luật các tiểu bang và vùng lãnh thổ.

## **Vai trò và trách nhiệm của chính phủ tiểu bang và lãnh thổ**

Các chính phủ tiểu bang và lãnh thổ có trách nhiệm quản lý VET trong phạm vi quyền hạn của mình bao gồm quy hoạch cấp tiểu bang, quy định của các nhà cung cấp đào tạo (thường ủy thác cho ASQA), phân bổ ngân quỹ cho các nhà cung cấp đào tạo công lập và tư thực, ấn định học phí sinh viên và quản lý kỹ thuật Giáo dục (TAFE). Các tiểu bang và vùng lãnh thổ hoạt động trong khuôn khổ các chính sách quốc gia cho VET để giải quyết các ưu tiên và nhu cầu cụ thể trong phạm vi quyền hạn của họ. Chính quyền tiểu bang và lãnh thổ báo cáo với Bộ trưởng liên quan là thành viên của Hội đồng COAG.

## **Tài chính**



Chính phủ Australia đóng góp khoảng 1/3 tổng quỹ cho VET của Chính phủ, và 2/3 còn lại tới từ chính phủ các tiểu bang và vùng lãnh thổ. Điều này dựa trên thỏa thuận đối tác quốc gia. Quỹ của Chính phủ Australia được sử dụng nhằm hỗ trợ những ưu tiên quốc gia. Chính phủ các bang và vùng lãnh thổ có thể phân bổ quỹ tùy thuộc vào ưu tiên cụ thể của họ. Quỹ tài chính có thể được cung cấp ngoài Thỏa thuận Quốc gia để hỗ trợ những mục tiêu xác định mà những mục tiêu này sẽ hỗ trợ cải cách trong lĩnh vực VET và tăng năng suất.

Những đóng góp của người sử dụng lao động cho đào tạo tại Australia bao gồm:

- Những thanh toán liên quan tới những khóa đào tạo và cung cấp đào tạo
- Thanh toán cho ngoài giờ làm
- Những thanh toán chi phí, tài liệu đào tạo, những khoản thanh toán những chi phí đi lại và sinh hoạt.
- Thuế đào tạo

Phần lớn đào tạo được cung cấp bởi người sử dụng lao động có hình thức là những khóa học ngắn hạn.



## Chi phí

Sinh viên học nghề tại Australia thường được yêu cầu phải tự chi trả học phí. Số tiền và thời gian phải trả tiền phụ thuộc vào loại hình sinh viên và những cơ sở giáo dục. Tuy nhiên, một số khóa học được chính quyền liên bang hỗ trợ (một phần hoặc toàn phần) trong lĩnh vực thuộc ưu tiên của bang hoặc vùng lãnh thổ.

Để hỗ trợ tiếp cận và tham gia vào giáo dục và đào tạo nghề, Chính phủ Australia cung cấp một loạt những món nợ sinh viên để giúp chi trả học phí. Những khoản nợ này cho phép sinh viên nhập học những khóa học tại một cơ sở VET được công nhận và trả lại khoản nợ chỉ khi thu nhập hàng năm của học vượt một hạn mức.

Để biết thêm thông tin về hỗ trợ tài chính bao gồm cả học bổng, truy cập vào website: <https://www.studyassist.gov.au/>

### ▪ Giáo dục Trung học

#### Cấu trúc và Quản lý Giáo dục Trung học

Giáo dục Trung học tại Australia bao gồm Giáo dục mầm non, Giáo dục nền tảng (mẫu giáo, trước tiểu học, chuẩn bị, chuyển tiếp hoặc tiếp nhận), Giáo dục tiểu học, Giáo dục Trung học Cơ sở (hoặc Trung học Phổ thông) và Giáo dục Phổ thông (hoặc Đại học).

Giáo dục Trung học kéo dài 13 năm từ năm học Nền tảng đến Giáo dục phổ thông (xem bảng bên dưới). Giáo dục trung học bắt buộc kéo dài đến năm 16 tuổi.



## Cấu trúc Giáo dục Trung học

School level	Typical age at commencement	Sector of School in ACT, NSW, QLD*, TAS, VIC, WA*	Sector of School in SA	Sector of School in NT
Foundation Year Kindergarten (ACT, NSW) Pre-Primary (WA) Preparatory (QLD, Vic, Tas) Reception (SA) Transition (NT)	5	Primary	Primary	Early Years
Year 1	6	Primary	Primary	Early Years
Year 2	7	Primary	Primary	Early Years
Year 3	8	Primary	Primary	Early Years
Year 4	9	Primary	Primary	Primary Years
Year 5	10	Primary	Primary	Primary Years
Year 6	11	Primary	Primary	Primary Years
Year 7	12	Secondary	Primary	Middle Years
Year 8	13	Secondary	Secondary	Middle Years
Year 9	14	Secondary	Secondary	Middle Years
Year 10	15	Secondary	Secondary	Senior Years**
Year 11 (Senior Secondary)	16	Senior Secondary	Senior Secondary	Senior Years**
Year 12 (Senior Secondary)	17	Senior Secondary	Senior Secondary	Senior Years**

Chính phủ bang và vùng lãnh thổ có trách nhiệm cơ bản với chính sách, tài chính và cung cấp giáo dục trung học. Mỗi bang và vùng lãnh thổ đều có bộ giáo dục và cơ quan giáo dục riêng chịu trách nhiệm giáo dục công lập. Các bang và vùng lãnh thổ chịu trách nhiệm với những trường không thuộc nhà nước bao gồm đăng ký, kiểm tra và tài trợ bổ sung.

Mỗi bang và vùng lãnh thổ quyết định những chính sách về tổ chức, phát triển chương trình học và sự thực hiện của mình theo nội dung của Chương trình học Australia, công nhận chương trình học, đánh giá sinh viên và giấy chứng nhận.

Vai trò của Chính phủ Australia trong Giáo dục Phổ thông là cung cấp quỹ, phối hợp và thực hiện nghiên cứu và phân tích chính sách giáo dục quốc gia. Ưu tiên chính của Chính phủ Australia là cung cấp một hệ thống trường học có tính ổn định quốc gia. Các loại trường học bao gồm những trường học chính phủ, những trường học phi chính phủ (bao gồm những trường học dựa trên đức tin như trường Đạo Thiên chúa hay trường Đạo Hồi) và những trường dựa trên triết lý giáo dục như Montessori và Steiner. Tất cả các trường đều phải được đăng ký với bộ giáo dục của chính phủ bang





và vùng lãnh thổ (xem bản dưới đây) và cơ sở hạ tầng và đăng ký giáo viên phải được tùy thuộc vào những yêu cầu chính phủ.

### **Chính quyền Giáo dục Trung học**

State or Territory	Responsible body	Website
Australian Capital Territory (ACT)	ACT Government Education and Training Directorate	<a href="http://www.det.act.gov.au">www.det.act.gov.au</a>
New South Wales (NSW)	NSW Department of Education and Communities	<a href="http://www.dec.nsw.gov.au">www.dec.nsw.gov.au</a>
Northern Territory (NT)	Northern Territory Department of Education	<a href="http://www.education.nt.gov.au">www.education.nt.gov.au</a>
Queensland (QLD)	Queensland Government Department of Education and Training	<a href="http://www.education.qld.gov.au">www.education.qld.gov.au</a>
South Australia (SA)	Department of Education and Child Development	<a href="http://www.decd.sa.gov.au">www.decd.sa.gov.au</a>
Tasmania (Tas)	Department of Education Tasmania	<a href="http://www.education.tas.gov.au">www.education.tas.gov.au</a>
Victoria (Vic)	Victorian State Government Department of Education and Training	<a href="http://www.education.vic.gov.au">www.education.vic.gov.au</a>
Western Australia (WA)	Western Australian Department of Education	<a href="http://www.education.wa.edu.au">www.education.wa.edu.au</a>

### **Mầm non**

Giáo dục Mầm non được cung cấp cho trẻ em từ 3 – 5 tuổi. Đây là giáo dục không bắt buộc. Các chương trình học này là các chương trình bán thời gian và bao gồm một vài kỳ nửa ngày hoặc tương tự cả ngày, kết hợp với học tập có cấu trúc và những hoạt động sáng tạo cá nhân.

### **Tiểu học**

Tiểu học bắt đầu từ năm nền tảng đến lớp 6 hoặc lớp 7. Năm nền tảng được biết tới như là trường mẫu giáo, trường dự bị, tiếp nhận, trước tiểu học và chuyển tiếp. Năm nền tảng tập trung vào sự phát triển toàn diện của trẻ em trước khi vào lớp 1. Chương trình học Tiểu học tập trung vào phát triển tiếng Anh và kỹ năng văn hóa, kỹ năng toán học và số học, kiến thức xã hội, sức khỏe và những hoạt động sáng tạo. Chương trình học tiểu học cũng bao gồm thông tin và giao tiếp, vật lý, giáo dục xã hội và khoa học.

Dù có đánh giá song không có yêu cầu kiểm tra tiêu chuẩn cho quá trình phát triển trong trường tiểu học và không có chứng chỉ chất lượng chính thức nào được cấp. Học sinh học tiếp lên trường trung học cơ sở sau khi học xong bậc tiểu học.

### **Trung học cơ sở**



Giáo dục Trung học cơ sở kéo dài từ lớp 7 hoặc lớp 8 đến hết lớp 10. Một hoặc hai năm đầu tiên tại trường trung học cơ sở, toàn bộ học sinh sẽ học những chương trình học chương trình học kiến thức đại cương. Vào những năm sau, học sinh sẽ học những nhóm môn học cốt lõi và tự chọn. Những môn học cốt lõi bao gồm tiếng Anh, toán, khoa học, xã hội và môi trường, những ngôn ngữ khác ngoài tiếng Anh (Languages other than English – LOTE), công nghệ thông tin và giao tiếp, nghệ thuật sáng tạo và phát triển cá nhân, sức khỏe và thể dục. Một số môn học được cung cấp tại những cấp học nâng cao.

### **Trung học phổ thông**

Giáo dục trung học phổ thông kéo dài từ năm lớp 11 đến lớp 12. Giáo dục trung học phổ thông cung cấp một số loại chương trình học chuẩn bị học sinh cho học tập trong tương lai, việc làm và cuộc sống trưởng thành. Chứng chỉ tốt nghiệp thường được biết tới là Giấy Chứng nhận Giáo dục Phổ thông (Senior Secondary Certificate of Education) vào năm lớp 12. Đây là một chứng chỉ thuộc Khung trình độ Australia (AQF). Giấy Chứng nhận Giáo dục Phổ thông là một chứng nhận phục vụ nhiều mục đích đóng vai trò cả như giấy chứng nhận tốt nghiệp và như một chứng chỉ để tiếp cận Giáo dục Đại học cũng như chứng chỉ trong lĩnh vực Giáo dục và đào tạo nghề. Các chương trình học, đặc biệt là những chương trình chuẩn bị cho học sinh tiếp cận Giáo dục Đại học là những chương trình chuyên môn. Điều này chuẩn bị cho học sinh tốt nghiệp nhập học vào những chương trình giáo dục đại học chuyên môn mà không cần những môn học giáo dục đại cương. Những môn học lớp 11 và 12 có chiều rộng và chiều sâu học thuật đáng kể.

Những danh hiệu khác có thể được dùng tại các bang và vùng lãnh thổ. Giấy chứng nhận này được cấp bởi chính quyền bang và vùng lãnh thổ (xem bảng dưới đây). Cũng có những minh chứng giáo dục trung học phổ thông ngoài hệ thống trường học của các bang và vùng lãnh thổ, ví dụ như Bằng Tú tài Quốc tế. Thông tin thêm về Bằng Tú tài quốc tế tại Australia có tại trang 38.



## Trách nhiệm đối với học tập bậc Trung học Phổ thông và Bằng cấp Trung học Phổ thông

State or Territory	Name of Senior Secondary Qualification	Awarding body with responsibility for senior secondary studies	Website
Australian Capital Territory (ACT)	ACT Senior Secondary Certificate	ACT Board of Senior Secondary Studies (BSSS)	<a href="http://www.bsss.act.edu.au">www.bsss.act.edu.au</a>
New South Wales (NSW)	Higher School Certificate (HSC)	Board of Studies Teaching and Educational Standards NSW (BOSTES)	<a href="http://www.boardofstudies.nsw.edu.au">www.boardofstudies.nsw.edu.au</a>
Northern Territory (NT)	NT Certificate of Education and Training (NTCET)	Department of Education—Northern Territory Board of Studies (NTBOS)	<a href="http://www.education.nt.gov.au/teachers-educators/ntbos">www.education.nt.gov.au/teachers-educators/ntbos</a>
Queensland (QLD)	Queensland Certificate of Education (QCE)	Queensland Curriculum and Assessment Authority (QCAA)	<a href="http://www.qcaa.qld.edu.au">www.qcaa.qld.edu.au</a>
South Australia (SA)	South Australian Certificate of Education (SACE)	South Australian Certificate of Education (SACE) Board of South Australia	<a href="http://www.sace.sa.edu.au">www.sace.sa.edu.au</a>
Tasmania (Tas)	Tasmanian Certificate of Education (TCE)	Office of Tasmanian Assessment, Standards and Certification (TASC)	<a href="http://www.tasc.tas.gov.au">www.tasc.tas.gov.au</a>
Victoria (Vic)	Victorian Certificate of Education (VCE)	Victorian Curriculum and Assessment Authority (VCAA)	<a href="http://www.vcaa.vic.edu.au">www.vcaa.vic.edu.au</a>
Western Australia (WA)	Western Australian Certificate of Education (WACE)	WA School Curriculum and Standards Authority	<a href="http://www.scsa.wa.edu.au">www.scsa.wa.edu.au</a>

### Tiếp cận Giáo dục Đại học

Xếp hạng Nhập học Đại học Australia (The Australian Tertiary Admission Rank – ATAR) là xếp hạng được các cơ sở giáo dục đại học sử dụng nhằm hỗ trợ nhà trường lựa chọn những học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông nhập học chương trình đại học. Đây là một chỉ số cho thấy một học sinh cụ thể đã thể hiện tốt như thế nào so với sinh viên khác trong nhóm của họ.

ATAR được tính toán bởi Trung tâm Tiếp nhận Đại học (Tertiary Admission Centre – TAC) của bang hoặc vùng lãnh thổ dựa trên Giấy Chứng nhận Giáo dục Phổ thông của chương trình học. ATAR được báo cáo trên thang điểm từ 0 đến 99,95 với các giá số là 0,05. Ví dụ: ATAR 90.00 giúp một sinh viên vào top 10 phần trăm số người trong nhóm của họ. Các cơ sở Giáo dục Đại học sử dụng TACs đại diện họ thực hiện



việc xét tuyển đại học trong nước. ATAR không được sử dụng tại Queensland. Queensland sử dụng một hệ thống xếp hạng tương tự các Vị trí Tổng thể (Overall Positions - OPs) và Vị trí Lĩnh vực (Field Positions - FPs).

Các cách nhập học đại học khác cho học sinh trung học phổ thông bao gồm:

- Một văn bằng học tập và đào tạo nghề (VET), như Chứng chỉ III hoặc IV
- Các khóa học dự bị Đại học ngắn hạn
- Các yêu cầu bổ sung như phỏng vấn, tổng hợp những tác phẩm đã thực hiện, các khóa học tiên quyết, và/hoặc kinh nghiệm làm việc liên quan tới chương trình học

Để biết thêm thông tin về việc nhập học Đại học, xem trang 12.

### **Chương trình Tú tài Quốc tế (International Baccalaureate)**

Tổ chức Tú tài Quốc tế (The International Baccalaureate Organisation – IBO) cung cấp ba chương trình học cho bậc Tiểu học, Trung học Cơ sở và Trung học Phổ thông. Những chương trình học này hoạt động độc lập với các hệ thống tương học tại các bang và vùng lãnh thổ.

Để biết thêm thông tin, truy cập website: <https://www.ibo.org/>

Sau khi hoàn thành toàn bộ yêu cầu chương trình học trung học phổ thông, học sinh được cấp bằng Tú tài Quốc tế bởi Tổ chức Tú tài Quốc tế.

Bằng Tú tài Quốc tế được công nhận cho nhập học Đại học hoặc những khóa học và đào tạo nghề. Học sinh gửi nguyện vọng nhập học thông qua Trung tâm Tiếp nhận Đại học (TAC) gửi đến những bang hoặc vùng lãnh thổ mình mong muốn theo học.

#### **▪ Giáo dục và đào tạo nghề tại trường**

Giáo dục và đào tạo nghề (VET) có sẵn tại các bậc học trung học cơ sở và trung học phổ thông. Các khóa học được cung cấp tại trường, tại các TAFE, tại những Tổ chức đào tạo đã đăng ký (RTOs), qua những nhà sử dụng lao động và doanh nghiệp địa phương. Có một số lựa chọn như sau:

- Hoàn thành một Gói Đào tạo hoặc một khóa học được công nhận và được cấp một chứng chỉ VET được công nhận quốc gia theo Khung Trình độ Australia (AQF), thường là trình độ Certificate I hoặc Certificate II
- Những môn VET như một phần của chương trình học trung học phổ thông dẫn tới Giấy Chứng nhận Giáo dục Trung học Phổ thông của bang hoặc vùng lãnh thổ
- Những khóa thực tập và công việc và đào tạo được trả tiền trên nền tảng tại trường kết hợp với học tập trung học phổ thông.

Học sinh có thể kết hợp những cách tiếp cận này với nhau. Ví dụ, một học sinh có thể nhận được tín chỉ cho bằng cấp AQF và Giấy Chứng nhận Giáo dục Phổ thông của bang hoặc vùng lãnh thổ cho cùng một chương trình VET. Học nghề cũng có thể được tính cho Giấy Chứng nhận Giáo dục Phổ thông.

Những khóa học VET được báo cáo trong Báo cáo Thành tích (Record of Achievement) không ghi điểm nhưng ghi lại những tài liệu khác như bằng AQF được cấp. Giấy Chứng nhận Kết quả được cấp cho sinh viên hoàn thành một phần văn bằng AQF.

Vào tháng 12 năm 2014, một Khung quy định mới – *Chuẩn bị học sinh Phổ thông cho công việc* – cho học nghề và cung cấp VET cho học sinh phổ thông đã được áp dụng.



Khung quy định này tạo ra sự khác biệt quan trọng giữa cung cấp VET cho học sinh phổ thông và học tập nghề. Học nghề là bước đầu cho VET và giúp học sinh phổ thông khám phá thế giới việc làm, xác định những lựa chọn nghề nghiệp và trang bị cho học sinh để có thể đưa ra những quyết định hiệu quả về lựa chọn môn học, giáo dục và đào tạo sau phổ thông và những con đường sự nghiệp.

### ▪ Chương trình giảng dạy và đánh giá

#### **Chương trình giảng dạy tại Australia**

Việc phát triển chương trình giảng dạy tại Australia là trách nhiệm của Cơ quan Báo cáo, Đánh giá và Chương trình Giảng dạy Australia (The Australian Curriculum, Assessment and Reporting Authority – ACARA) cùng sự cố vấn của chính quyền chịu trách nhiệm giáo dục của các bang và vùng lãnh thổ. Điều này được dựa trên chuyên môn quốc gia và được xây dựng trên phát triển sự đa dạng chương trình giảng dạy và kinh nghiệm học của bang và vùng lãnh thổ.

Chương trình giảng dạy của Australia là động lực chính trong mục tiêu của Chính phủ Australia nhằm cải thiện chất lượng kết quả học tập của tất cả học sinh Australia trong thế giới cạnh tranh và toàn cầu.

Trong khi Chương trình giảng dạy tại Australia thể hiện kỳ vọng với giới trẻ Australia, mỗi bang và vùng lãnh thổ và các hệ thống và trường học trong đó chịu trách nhiệm bổ sung cho chương trình giảng dạy.

Để biết thêm thông tin, xem tại website: <https://www.acara.edu.au/>

#### **Đánh giá Giáo dục Phổ thông**

Cho tới hết lớp 10, phương pháp đánh giá bao gồm dự án, bài tập và báo cáo, nghiên cứu và điều tra theo nhóm, thuyết trình, những bài kiểm tra và điểm chuyên cần. Đánh giá có thể bao gồm cả những kỳ thi phạm vi toàn trường. Những kỳ thi ngoài trường mang phạm vi bang hoặc vùng lãnh thổ cũng có thể được thực hiện.

Vào năm lớp 11 và 12, những phương pháp đánh giá trung học phổ thông thường gặp nhất bao gồm những kỳ thi ngoài trường, đánh giá phạm vi toàn trường, đánh giá không toàn trường và những bài đánh giá bên ngoài.

#### **Chương trình đánh giá quốc gia**

Chương trình đánh giá quốc gia tính toán và quản lý thành tích của học sinh trong những tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế và được quản lý bởi ACARA. Nó bao gồm 3 hành động đánh giá kết quả học tập độc lập:

- Chương trình đánh giá quốc gia – Văn hóa và Số học (National Assessment Program – Literacy and Numeracy – NAPLAN) là bài kiểm tra đọc, viết, ngôn ngữ và số học cho tất cả học sinh lớp 3, 7, 9 hàng năm. Điều này cung cấp một hệ thống báo cáo có thể so sánh mang tính quốc gia với những quy chuẩn quốc gia được đồng thuận.
- Đánh giá mẫu quốc gia – Mỗi ba năm một lần, những nhóm học sinh lớp 6 và lớp 10 tham gia vào kỳ đánh giá về kiến thức khoa học, quyền và nghĩa vụ công dân và hiểu biết về công nghệ thông tin và giao tiếp.
- Đánh giá mẫu quốc tế:



- Mỗi ba năm, những học sinh 15 tuổi được lựa chọn tham dự Chương trình Đánh giá OECD cho học sinh quốc tế (The OECD Programme for International Student Assessment – PISA)
- Mỗi bốn năm, những học sinh lớp 4 và lớp 8 được lựa chọn tham dự Xu hướng học tập Toán học và Khoa học Toàn cầu (Trends in International Mathematics and Science Study – TIMSS)
- Mỗi năm, những học sinh lớp 4 được lựa chọn tham dự vào Tiến trình học tập văn hóa đọc quốc tế (Progress in International Reading Literacy Study – PIRLS) (tùy thuộc vào thỏa thuận)

Để biết thêm thông tin, truy cập: [www.nap.edu.au](http://www.nap.edu.au)

### **Trang web My School**

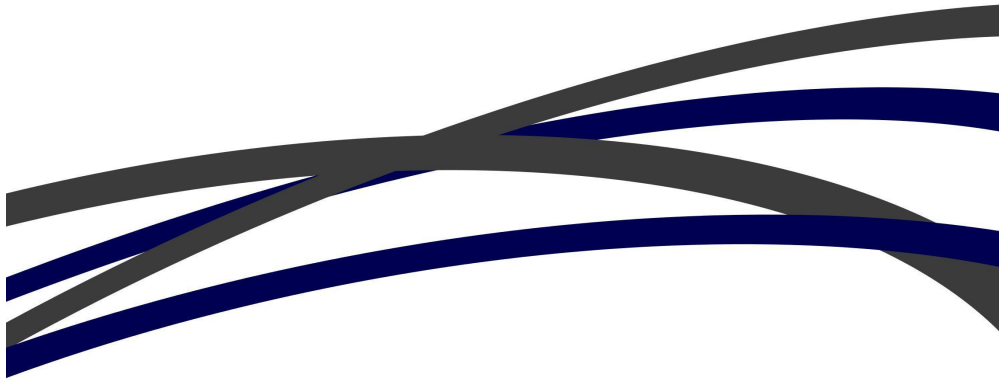
Trang web *My School* cung cấp thông tin cấp nhà trường thống nhất trên toàn quốc, dữ liệu so sánh của hơn 9500 trường học tại Australia và những thông tin bao gồm thành tích của của họ trong Chương trình Đánh giá Quốc gia – Văn hóa và Số học (NAPLAN), sơ yếu lý lịch của học sinh và thông tin tài chính. Dữ liệu được lấy từ cơ quan chính quyền chịu trách nhiệm giáo dục của bang và vùng lãnh thổ và từ những cơ quan phi chính phủ. Chính quyền Chương trình giảng dạy, Báo cáo và Đánh giá Australia (ACARA) chịu trách nhiệm quản lý trang web *My School*.

Trang web *My School* là một công cụ hữu dụng cho cha mẹ học sinh và người bảo hộ, những người điều hành trường, nhân viên trong trường và những thành viên trong cộng đồng trường học cũng như những nhà lên chính sách. Trang web này giúp cha mẹ đưa ra những quyết định về việc học tập của con cái và đóng góp ý kiến cho cả thảo luận chính sách và tranh luận công cộng.

Để biết thêm thông tin, xem tại website [www.myschool.edu.au](http://www.myschool.edu.au)



# Hệ thống điểm







### ▪ Hệ thống điểm trong giáo dục đại học

Tại Australia, không có hệ thống điểm quốc gia trong giáo dục đại học. Mỗi cơ sở giáo dục có hệ thống điểm của riêng mình, và có một số loại chấm điểm đơn vị/môn học chính (xem bảng dưới đây)

Hệ thống điểm thường được thể hiện trong bảng điểm hoặc trong Chứng nhận Tốt nghiệp Giáo dục Đại học Australia (Australian Higher Education Graduation Statement – AHEGS).

Descriptive grade	Percentage	Percentage	Letter grade	Numeric grade
High Distinction	85%-100%	80%-100%	A	7
Distinction	75%-84%	70%-79%	B	6
Credit	65%-74%	60%-69%	C	5
Pass	50%-64%	50%-59%	D	4
Fail (conditional)	46-49%	Below 50%	E/F	3
Fail	Below 45%	N/A	F	2
Low fail	N/A	N/A	N/A	1

Một số cơ sở giáo dục sử dụng đánh giá qua môn có điều kiện hoặc chấp nhận qua môn, nhưng số lượng kết quả chấp nhận qua môn được cho phép cho một chương trình học bị giới hạn xuống một hoặc hai lần đối với mỗi học sinh. Những môn học bị trượt phải được học lại hoặc được thực hiện theo một cách khác thay thế nhằm hoàn thành chương trình học.

### Phân loại các Bằng Cử nhân Danh dự

Bằng Cử nhân Danh dự có thể được phân loại. Có bốn mức phân loại. Mỗi mức có thể được miêu tả bằng một nhiều cách:

- Hạng Nhất: First Class, HI;
- Hạng Nhì: Second Class (Upper Division), Second Class Division A, Second Class Division One, HIIA,HII/i;
- Hạng Nhì: Second Class (Lower Division), Second Class Division B, Second Class Division Two, HIIB,HII/ii; or
- Hạng ba: Third Class, HIII.

Bằng Cử nhân Danh dự Hạng nhì có thể không được phân biệt. Bằng Cử nhân Danh dự Hạng ba hiếm khi được trao. Bằng Cử nhân Danh dự có thể được cấp dưới dạng Hạng đạt (Pass Class) nếu mức độ thành tích học vẫn thấp.

Một số cơ sở giáo dục có thể sử dụng các phân loại này cho các đối tượng cá nhân, (đặc biệt là trong một khóa học cử nhân danh dự Cử nhân).

### Hệ thống phân loại sau đại học

Hầu hết các bằng sau đại học đều không được phân loại, mặc dù các trường hợp ngoại lệ có thể được xảy ra với bằng Thạc sỹ nghiên cứu. Một số tổ chức cấp Bằng Thạc sỹ Danh dự ('with Honours') những không được phân loại.

### Hệ thống điểm Giáo dục và Đào tạo nghề





Các Tổ chức Đào tạo đã Đăng ký (RTOs) có trách nhiệm đánh giá và cấp bằng điểm. Hệ thống điểm thì đa dạng. Đánh giá dựa trên thành tích các năng lực trong một Gói đào tạo hoặc trong khóa học được công nhận và mỗi năng lực được liệt kê với thành tích dưới dạng ‘Thành thạo (Competent)’ hoặc ‘Chưa thành thạo (Not Yet Competent)’. Nếu một khóa học bao gồm các môn học được phân loại, thì một RTO cũng có thể cung cấp một lớp như những gì được mô tả ở trên đối với ngành giáo dục đại học.

Nếu một học sinh nhận được Công nhận Học tập trước đây (RPL) cho một môn học hoặc một đơn vị năng lực, nó sẽ được ghi trên bảng điểm là 'RPL'. Không được cho điểm.

## Hệ thống điểm trong Giáo dục phổ thông

### Vùng Thủ đô Australia

Các môn học chấm điểm được viết trên thang 5 điểm từ A đến E, với điểm A là điểm cao nhất. Một số cách chấm điểm khác thường được sử dụng trong các môn học nghề như: Pass, Participated, Status, Recognition.

Grade	Description
A	Very high level of knowledge and understanding
B	High level of knowledge and understanding
C	Sound level of knowledge and understanding
D	Limited knowledge and understanding
E	Very limited knowledge and understanding

### New South Wales

Vào năm lớp 11, điểm các môn học được đánh giá trên thang điểm từ A đến E, với điểm A là điểm cao nhất. Vào năm lớp 12, điểm mỗi môn được chia vào một trong 6 mức (xem bảng bên dưới). Mức 6 là mức cao nhất và mức thấp nhất là 50. Mức thể hiện trung bình trong phần lớn các môn học thường được cho điểm khoảng 70 (mức 4). Mức 1 thể hiện rằng học sinh không đạt đủ kết quả học tập để có thể được báo cáo.

Band	Band range
6	90-100
5	80-89
4	70-79
3	60-69
2	50-59
1	0-49

### Vùng phía bắc và phí nam Australia

Năm lớp 11, các môn học được chấm được dựa trên thang điểm từ A đến E, với điểm A là điểm cao nhất. Năm lớp 12, các môn học tương tự được chấm điểm dựa trên những tiêu chuẩn thành tích môn học cụ thể từ điểm A+ tới E-, với điểm A+ là điểm vào nhất.



## Queensland

Điểm các môn học được tính theo thang điểm 5 bậc với VHA là điểm cao nhất (xem bảng dưới đây).

Grade	Description
VHA	Very High Achievement
HA	High Achievement
SA	Sound Achievement
LA	Limited Achievement
VLA	Very Limited Achievement

## Tasmania

Các môn học được chấm điểm dựa trên thang 5 với điểm EA là điểm cao nhất (xem bảng dưới đây). Những môn học sử dụng cách đánh giá dựa trên khả năng thường cho điểm ‘Đạt (Pass)’ hoặc ‘Hoàn thành (Satisfactory Completion)’.

Grade	Description
EA	Exceptional Achievement
HA	High Achievement
CA	Commendable Achievement
SA	Satisfactory Achievement
PA	Preliminary Achievement

## Victoria

Điểm được thể hiện trên thang điểm 11 từ A+ tới E, UG (Không chấm điểm – Ungraded) hoặc NA. Lưu ý rằng điểm cộng (+) được sử dụng nhưng điểm trừ (-) thì không. UG thể hiện rằng điểm đạt được là quá thấp để cho vào điểm nào. NA thể hiện rằng đánh giá không được nộp hoặc không tham dự bài kiểm tra.

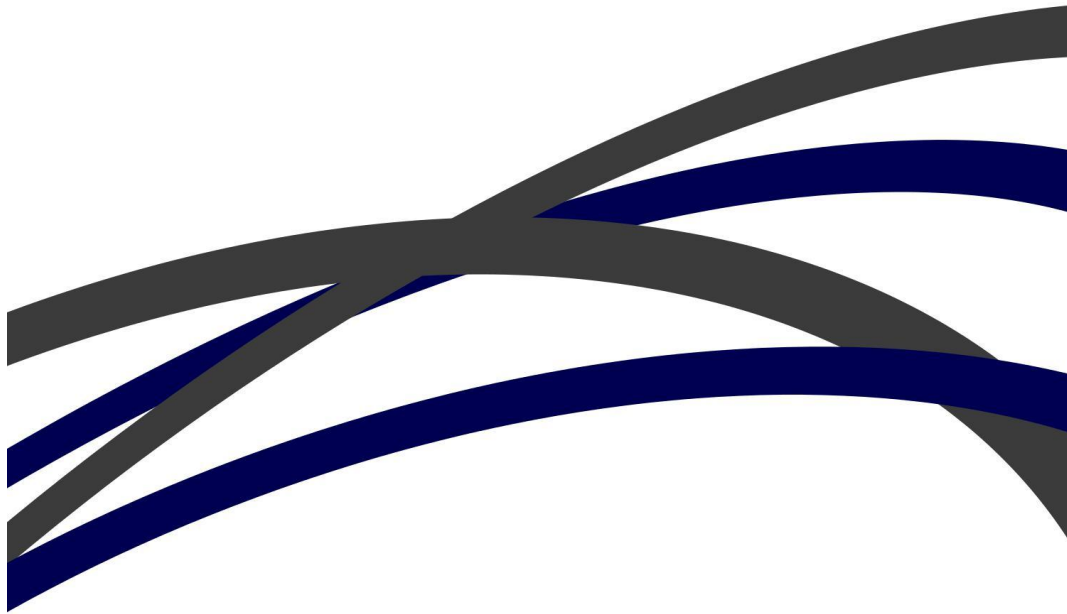
## Phía tây Australia

Điểm các môn được thể hiện trên thang điểm 5 từ A đến E, với điểm A là điểm cao nhất (xem bảng dưới đây). Những điểm khác thường được chấm trong các môn học nghề là: Pass, Participated, Status và Recognition.

Grade	Description
A	Excellent achievement
B	High achievement
C	Satisfactory achievement
D	Limited achievement
E	Very limited achievement



## Hệ thống văn bằng trước đây





### ▪ **Hội đồng Văn bằng Giáo dục Tiên tiến của Australia (Australian Council on Awards in Advanced Education – ACAAE)**

Sự phát triển nhanh chóng của ngành giáo dục đại học vào cuối những năm 1960 nhấn mạnh sự khác biệt về giáo dục giữa các tiểu bang và lãnh thổ. Hội đồng Văn bằng Giáo dục Tiên tiến của Australia (ACAAE) được chính thức thành lập vào tháng 12 năm 1971 nhằm:

- Hỗ trợ tiêu chuẩn hóa những chương trình giáo dục nâng cao
- Đẩy mạnh thống nhất danh pháp trong lĩnh vực giáo dục nâng cao
- Thiết lập mối quan hệ nhất quán giữa các chương trình học và giải thưởng
- Duy trì bản đăng ký giải thưởng quốc gia, và
- Thúc đẩy sự hiểu biết và đánh giá đúng hệ thống giải thưởng tại Australia và nước ngoài.

ACAAE là cơ quan đăng ký quốc gia về các chương trình học và văn bằng dưới trình độ đại học. Quá trình kiểm định và công nhận như sau:

- Những chương trình được phát triển bởi các mỗi cơ sở đào tạo (gọi chung là các trường cao đẳng giáo dục tiên tiến) phù hợp với các hướng dẫn của ACAAE;
- Các trường cao đẳng sau đó trình các chương trình của mình cho cơ quan kiểm định tiểu bang và lãnh thổ để đánh giá, thường là quá trình nhiều giai đoạn; và
- Các cơ quan tiểu bang và lãnh thổ đệ trình các chương trình công nhận để được đăng ký toàn quốc bởi ACAAE. Đăng ký thường có thời hạn 5 năm.

ACAAE không chịu trách nhiệm đăng ký và hoặc công nhận các trường đại học hoặc văn bằng đại học.

### ▪ **Hội đồng Văn bằng Đại học Australia (Australian Council on Tertiary Awards – ACTA)**

Vào tháng 1 năm 1985, Hội đồng Văn bằng Đại học Australia (ACTA) thay thế ACAAE. Các chức năng của hội đồng này cũng tương tự ACAAE dù có một số thay đổi về các chương trình học và danh hiệu, đặc biệt là với sự giới thiệu hệ thống văn bằng quốc gia vào năm 1987 trong lĩnh vực Kỹ thuật và Giáo dục Cao hơn (TAFE). Trước đây, mỗi bang và vùng lãnh thổ có hệ thống văn bằng của riêng mình cho các trường kỹ thuật và đại học TAFE, và những danh hiệu giống nhau lại có ý nghĩa khác nhau tại mỗi bang và vùng lãnh thổ.

Theo ACTA, danh hiệu của các giải thưởng TAFE gắn liền với một hệ thống phân loại chương trình theo luồng như được mô tả trong Sổ đăng ký của Đại học (Register of Australian Tertiary Education – RATE) dưới đây.

### ▪ **Đăng ký Giáo dục Đại học tại Australia (Register of Australian Tertiary Education – RATE)**

Danh sách Đăng ký Giáo dục Đại học Australia (RATE) được tạo ra vào năm 1990 bởi Hội đồng Giáo dục Australia của Bộ trưởng chịu trách nhiệm về giáo dục ở các chính phủ Australia, bang và lãnh thổ. RATE đã đảm nhận các chức năng của ACTA trong việc cung cấp một khuôn khổ, nhưng không đăng ký các văn bằng như ACTA và ACAAE đã làm. Danh mục văn bằng RATE tương tự với danh hiệu của ACTA và tiếp tục phân loại các chương trình TAFE theo luồng. Hệ thống RATE đã được loại bỏ



từ năm 1995 và được thay thế bằng Khung Trình độ Australia bắt đầu có hiệu lực kể từ cuối năm 1999.

Việc công nhận các khóa học được thực hiện bởi các cơ sở giáo dục đại học được trao quyền thực hiện bởi các cơ sở thành lập để kiểm định / phê duyệt các khóa học của chính họ; bởi các cơ quan trong mỗi tiểu bang và lãnh thổ được công nhận các khóa học đại học được cung cấp thông qua các viện / cao đẳng TAFE; bởi các tổ chức giáo dục đại học không tự được công nhận; và các nhà cung cấp đào tạo và giáo dục tư nhân. Giáo dục và đào tạo nghề được phát triển tại mỗi tiểu bang và lãnh thổ để đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và nền công nghiệp. Hầu hết giáo dục và đào tạo nghề được cung cấp bởi các trường Cao đẳng và Học viện TAFE, chỉ với một số ít các tổ chức đào tạo tư nhân cung cấp các chương trình. Chương trình giảng dạy kết hợp các lý thuyết và thực hành liên quan đến lĩnh vực môn học và mức độ giáo dục / đào tạo. Trong nhiều lĩnh vực, giáo dục và đào tạo nghề bao gồm cả đào tạo thực tiễn. Đào tạo thương mại được quy định bởi các tiểu bang và vùng lãnh thổ và thường liên quan tới chương trình thực tập kết hợp với đào tạo chính thức tại một trường cao đẳng TAFE. Giấy chứng nhận được cấp sau khi hoàn thành được gọi là Giấy Chứng nhận Thương mại (Trade Certificates) hoặc Giấy Chứng nhận Thủ công (Craft Certificates). Việc học nghề sẽ mất từ 3 đến 4 năm để hoàn thành.

#### ▪ **Luồng chứng chỉ 1000**

Dòng 1000 khóa học là để, giải trí hoặc làm giàu.

#### ▪ **Luồng chứng chỉ 2100**

Các chương trình Stream 2100 cung cấp kỹ năng giáo dục cơ bản và kỹ năng việc làm. Nhập học thường không có yêu cầu.

#### ▪ **Luồng chứng chỉ 2200**

Các chương trình luồng 2200 chuẩn bị cho học sinh để tiếp tục học lên cao hơn, chẳng hạn như thực hiện học tập Lớp 12. Điều kiện nhập học thường yêu cầu hoàn thành lớp 10.

#### ▪ **Luồng chứng chỉ 3100**

Văn bằng luồng 3100 cho các nhân viên các công việc yêu cầu trình độ thấp. Điều kiện nhập học giáo dục thường là tối thiểu.

#### ▪ **Lương chứng chỉ 3200**

Văn bằng luồng 3200 dành cho những ngành nghề cụ thể, ngành thương mại và thủ công, yêu cầu kỹ năng kỹ thuật và / hoặc thực tiễn trong một loạt các hoạt động có liên quan. Điều kiện nhập học thường yêu cầu hoàn thành lớp 10 những những yêu cầu nhập học thay thế cũng được chấp nhận, tùy thuộc vào cơ sở giáo dục và ngành học.

#### ▪ **Giấy chứng nhận nâng cao dòng 3300**

Chứng chỉ nâng cao thuộc trình độ của kỹ thuật viên thương mại, kỹ thuật viên nghề nghiệp, hoặc giám sát viên kỹ thuật nhưng trình độ và trình độ chuyên môn thấp hơn so với công việc phụ tá. Điều kiện nhập học thường dựa trên hoàn thành chương trình học lớp 10 song một số khóa học có thể yêu cầu hoàn thành chương trình học lớp 12



hoặc một khóa học Chứng nhận TAFE trong lĩnh vực liên quan, và / hoặc kinh nghiệm một khoảng thời gian làm việc. Các khóa học thường yêu cầu một đến hai năm học toàn thời gian hoặc bán thời gian tương đương. Các chương trình chứng chỉ nâng cao phát triển kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc chuyên môn và / hoặc để làm việc như giám sát viên cấp một, tại các vị trí hành chính hoặc quản lý. Sau khi hoàn thành, Chứng chỉ Nâng cao có thể khớp với chương trình Diploma.

#### ▪ **Bằng Cao đẳng dòng 3500/3400**

Bằng Cao đẳng là ở trình độ phụ tá, liên kết hoặc trình độ cao hơn. Các khóa học Diploma được thiết kế để cung cấp các kỹ năng cần thiết để hỗ trợ các chuyên gia hoặc làm việc trong các ngành nghề kỹ thuật, quản lý và / hoặc bán chuyên nghiệp. Khi được cung cấp tại các trường đại học, các khóa học này thiên về định hướng học thuật hơn. Bằng Cao đẳng là một chương trình học toàn thời gian hoặc bán thời gian kéo dài hai năm, điều kiện nhập học yêu cầu hoàn thành chương trình lớp 12 hoặc tương đương nhưng có thể yêu cầu Giấy chứng nhận nâng cao trong lĩnh vực liên quan và / hoặc kinh nghiệm làm việc liên quan. Một số chương trình cấp bằng Cao đẳng vung cấp lộ trình học tập những khóa học cụ thể tại các cơ sở TAFE hoặc tại các trường đại học của TAFE.

#### ▪ **Văn bằng dòng 3600**

Bằng cấp trình độ này là những bằng cấp chuyên nghiệp chính của các tổ chức TAFE trong hệ thống RATE. Chúng cũng được cung cấp tại một số trường đại học, đặc biệt trong ngành sư phạm và điều dưỡng cho đến khi những nghề này trở thành những chương trình dựa trên bằng cấp vào giữa những năm 1990. Các khóa học Diploma cung cấp sự sâu rộng của các kỹ năng chuyên biệt cần thiết cho một số ngành nghề chuyên nghiệp, chẳng hạn như ngành khách sạn, thiết kế và nghệ thuật biểu diễn và một số lĩnh vực khoa học ứng dụng và công nghệ. Chương trình Diploma yêu cầu trình độ kiến thức và kỹ năng thực tiễn cao với mức độ phát triển khái niệm cao hơn phù hợp với vị trí có trách nhiệm chính trong nghề nghiệp. Chương trình Diploma thường kéo dài ba năm học toàn thời gian sau khi hoàn thành chương trình học lớp 12. Một số khóa học cung cấp lộ trình vào những khóa học cụ thể tại các trường đại học.



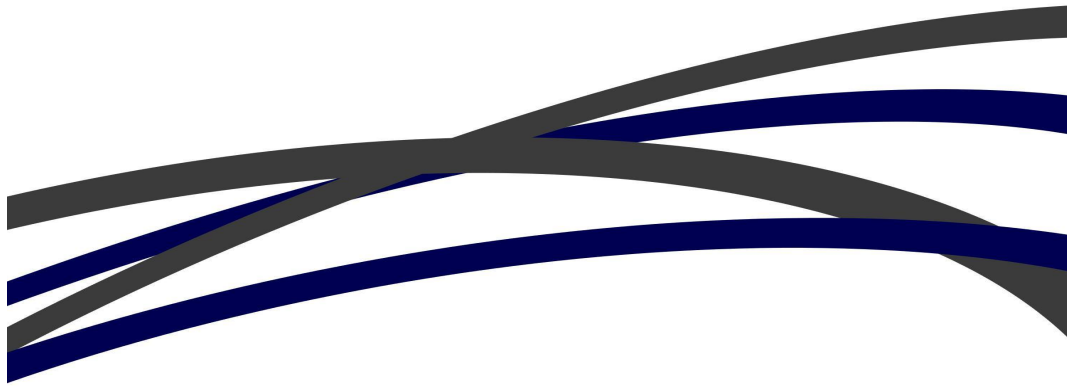
▪ **Tóm tắt những hệ thống văn bằng trước đây**

Australian Qualifications Framework (AQF) 2 <sup>nd</sup> Edition 2013–current	Australian Qualifications Framework (AQF) 1 <sup>st</sup> Edition 1995–2012	Register of Australian Tertiary Education (RATE) 1990–1999	Australian Council on Tertiary Awards (ACTA) 1985–1989	Australian Council on Awards in Advanced Education (ACA AE) 1971–1984
Doctoral Degree	Doctoral Degree	Doctoral Degree	Doctoral Degree	
Masters Degree	Masters Degree	Masters Degree	Master Degree	Master Degree (PG2)
Graduate Diploma	Graduate Diploma Vocational Graduate Diploma	Graduate Diploma	Graduate Diploma	Graduate Diploma (PG1)
Graduate Certificate	Graduate Certificate Vocational Graduate Certificate	Graduate Certificate	Graduate Certificate	
Bachelor Honours Degree				
Bachelor Degree	Bachelor Degree (including Bachelor Honours Degree)	Bachelor Degree (including Bachelor Honours Degree)	Bachelor Degree (including Bachelor Honours Degree)	Bachelor Degree (UG1) (including Bachelor Honours Degree)
Associate Degree Advanced Diploma	Associate Degree Advanced Diploma	Diploma Stream 3600	Diploma	Diploma (UG2)
Diploma	Diploma	Associate Diploma Stream 3500 Associate Diploma Stream 3400	Associate Diploma	Associate Diploma (UG3)
Certificate IV	Certificate IV	Advanced Certificate Stream 3300	Advanced Certificate	
Certificate III	Certificate III	Certificate Stream 3200		
Certificate II	Certificate II	Certificate Stream 3100		
Certificate I	Certificate I			
		Certificate Stream 2200		
		Certificate Stream 2100		





# Giáo dục quốc tế







## ▪ Giáo dục quốc tế tại Australia

Australia cung cấp giáo dục và đào tạo chất lượng cao cho du học sinh bằng thị thực du học và sinh viên ra nước ngoài .

Du học sinh có thể tham gia giáo dục đại học, giáo dục và đào tạo nghề, Khóa học tiếng Anh chuyên sâu cho học sinh nước ngoài (English Language Intensive Courses for Overseas Students – ELICOS), giáo dục phổ thông và những khóa học không cấp bằng như những khóa học chuyên tiếp hoặc những khóa học nền tảng.

## ▪ Đảm bảo chất lượng Giáo dục quốc tế

### Quy định đối với giáo dục quốc tế

Đạo luật *Du học dành cho Du học sinh* năm 2000 (Đạo luật *ESOS*) đảm bảo rằng du học sinh học tại Australia nhận được giáo dục và đào tạo chất lượng cao và những dịch vụ mà họ đã chi trả.

Tất cả việc nhập học của du học sinh tại Australia bằng thị thực du học cũng được đăng ký trong một cơ sở dữ liệu gọi là Hệ thống Quản lý Học sinh Quốc tế và Người Đăng ký (Provider Registration and International Student Management System (PRISMS)). Đây là yêu cầu theo Đạo luật ESOS yêu cầu các cơ sở giáo dục quản lý du học sinh theo điều kiện thị thực, ví dụ như chuyên cần trên lớp hoặc tiến trình trong khóa học. Thông qua PRISMS các cơ sở giáo dục có thể báo cáo lên Bộ Nhập cư và Bảo vệ biên giới về bất kỳ tình trạng du học sinh nào vi phạm điều kiện visa.

Những cơ sở giáo dục tại Australia được điều chỉnh bởi khung đảm bảo trình độ quốc gia, nhưng Đạo luật ESOS cung cấp thêm những điều lệ cho những cơ sở giáo dục Australia cho phép du học sinh học tập tại Australia dưới hình thức thị thực du học. Đạo luật ESOS yêu cầu tất cả những chương trình học tuyển du học sinh phải đăng ký với Cơ quan Đăng ký Khối thịnh vượng chung các Cơ sở Giáo dục và Các Khóa học dành cho Du Học sinh (Commonwealth Register of Institutions and Courses for Overseas Students – CRICOS).

Để được liệt kê trong CRICOS, một cơ sở giáo dục phải đáp ứng được những yêu cầu nghiêm ngặt và tiếp tục tuân thủ theo Khung ESOS bao gồm:

- Đảm bảo có đủ nguồn lực để cung cấp giáo dục và đào tạo chất lượng tới một tiêu chuẩn thỏa đáng.
- Bảo vệ học phí của du học sinh
- Thúc đẩy an toàn và phúc lợi của du học sinh
- Hỗ trợ giám sát sự tuân thủ của du học sinh với điều kiện thị thực.

Để biết thêm thông tin, xem website <http://cricos.education.gov.au/>

### Dịch vụ Bảo vệ Học phí

Dịch vụ Bảo vệ Học phí (The Tuition Protection Service – TPS) là một sáng kiến của Chính phủ Australia nhằm hỗ trợ sinh viên quốc tế trong trường hợp cơ sở giáo dục của họ không có khả năng cung cấp toàn bộ chương trình học cho họ. TPS đảm bảo rằng sinh viên quốc tế có thể:

- Hoàn thành học tập trong một khóa học khác tại một cơ sở giáo dục khác, hoặc
- Nhận lại phần học phí còn thừa của họ.



Trong một trường hợp hiếm hoi khi một cơ sở giáo dục không thể cung cấp chương trình học đã được trả và không đáp ứng được những nghĩa vụ để cung cấp một khóa học thay thế hoặc hoàn trả lại phần học phí còn thừa (đây gọi là “nghĩa vụ mặc định”) thì TPS sẽ hỗ trợ sinh viên quốc tế tìm kiếm một khóa học thay thế hoặc nhận lại khoản học phí thừa nếu không thể tìm được khóa học thay thế.

### **Giáo dục và Đào tạo xuyên quốc gia**

Lĩnh vực Giáo dục của Australia có một bề dày lịch sử cung cấp Giáo dục và Đào tạo xuyên quốc gia chất lượng cao, còn được gọi là đào tạo nước ngoài hoặc xuyên biên giới. Giáo dục xuyên quốc gia đề cập đến việc cung cấp và / hoặc đánh giá các chương trình và khóa học của một tổ chức Australia được công nhận ở một nước không phải là Australia. Các chương trình xuyên quốc gia có thể dẫn đến bằng cấp thuộc AQF hoặc có thể là một khóa học không có bằng cấp.

Cơ quan Tiêu chuẩn và Chất lượng Giáo dục Đại học (The Tertiary Education Quality and Standards Agency – TEQSA) và Cơ quan Quản lý Chất lượng Kỹ năng Australia (The Australian Skills Quality Authority – ASQA) có trách nhiệm đảm bảo những cơ sở giáo dục Australia hoạt động tại nước ngoài hoạt động tuân theo những tiêu chuẩn chất lượng của Australia.

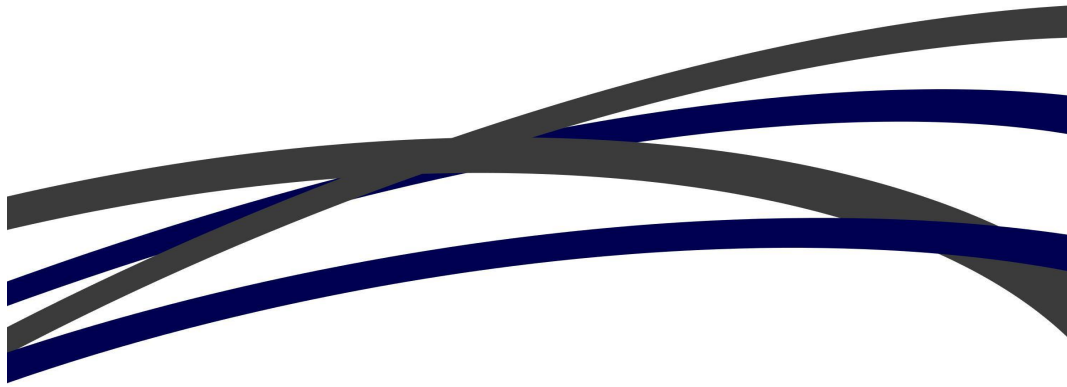
Tất cả những cơ sở giáo dục Australia cung cấp chương trình học một phần hoặc toàn phần ngoài Australia mà đem lại bằng cấp thuộc AQF được yêu cầu phải tuân thủ những yêu cầu đảm bảo chất lượng của Australia. Hơn nữa, TEQSA và ASQA được ủy quyền để điều chỉnh và đảm bảo rằng những trách nhiệm của các cơ sở giáo dục Australia được giữ gìn và duy trì tại nơi mà cơ sở giáo dục đó liên quan tới việc cung cấp giáo dục.

Những chương trình giáo dục và đào tạo cung cấp ngoài Australia có nhiều hình thức khác nhau, bao gồm:

- Một cơ sở được sở hữu hoàn toàn bởi một cơ sở giáo dục Australia
- Các chương trình học và những khóa học được cung cấp cùng với những cơ sở giáo dục địa phương
- Hợp tác song phương
- Nhượng quyền chương trình học hoặc khóa học nơi một cơ sở giáo dục Australia được công nhận vẫn là một đối tác có thể công nhận được
- Những chương trình giáo dục từ xa bao gồm một phần là hướng dẫn trực tiếp bởi giáo viên bản địa và / hoặc giảng viên Australia
- Hoạt động giáo dục và đào tạo được thực hiện đại diện cho một cá thể Australia
- Những chương trình học trực tiếp được thực hiện trên danh nghĩa một cơ sở giáo dục Australia.



## Công nhận Văn bằng Australia





### ▪ Công nhận Văn bằng Australia quốc tế

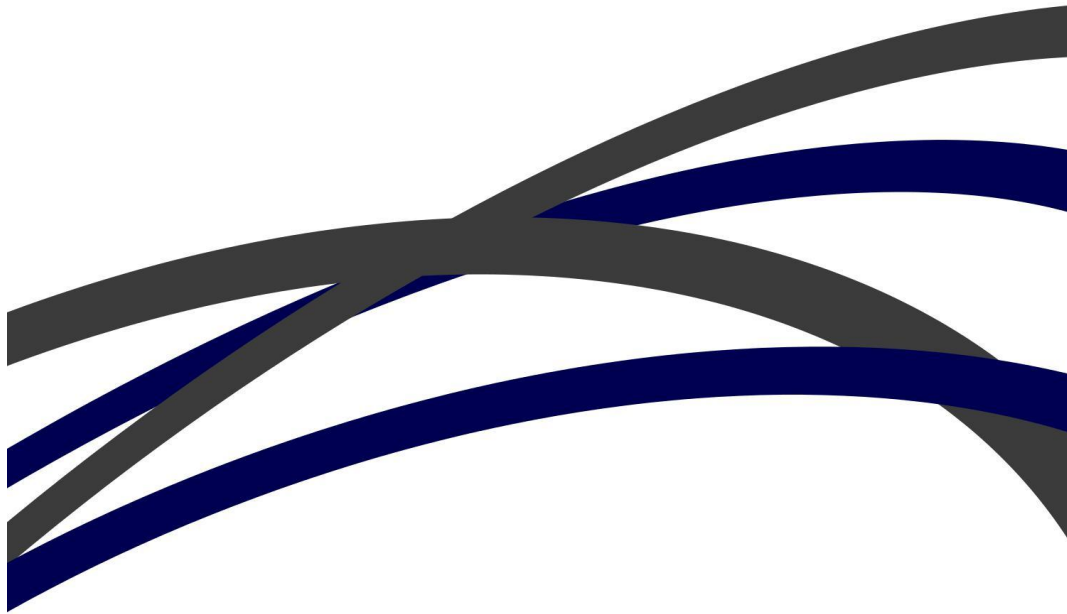
Bằng cấp của Australia được đánh giá cao và được chấp nhận toàn thế giới. Đảm bảo chất lượng của giáo dục đại học, giáo dục và đào tạo nghề, giáo dục phổ thông và những văn bằng của họ, được thực hiện thông qua một khung nhiều tầng và liên kết với nhau thông qua những cơ quan đầu ngành bao gồm Chính phủ Australia và chính phủ những bang và lãnh thổ. Hệ thống giáo dục Australia cũng được củng cố bởi những quy tắc đảm bảo chất lượng được thỏa thuận toàn cầu. Khung trình độ Australia (AQF) hỗ trợ sự minh bạch trong việc công nhận văn bằng Australia ở nước ngoài và tính lưu động của sinh viên tốt nghiệp tại Australia.

Việc công nhận văn bằng của Australia ở nước ngoài là trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền liên quan tại nước ngoài đó. Những quốc gia là thành viên của những công ước được UNESCO công nhận như Công ước Công nhận Lisbon hoặc Công ước Sửa đổi Công nhận Châu Á Thái Bình Dương, được chỉ dẫn bởi những quy tắc thực hiện tốt quy định trong những công ước này.

Bộ Giáo dục và Đào tạo cung cấp thông tin để tạo điều kiện cho những có quan thẩm quyền tại nước ngoài công nhận nhằm đảm bảo rằng văn bằng Australia được công nhận một cách phù hợp. Tại Australia, phương pháp công nhận văn bằng dựa trên nghiên cứu và phân tích các yếu tố định tính và định lượng. Những nước khác có thể có những cách công nhận khác.



## Những cơ sở giáo dục được công nhận





▪ **Những trường đại học và cơ sở giáo dục được tự kiểm định**

<b>Tên Cơ sở giáo dục</b>	<b>Trang web</b>
Australian Catholic University	<a href="http://www.acu.edu.au">www.acu.edu.au</a>
Australian College of Theology	<a href="http://www.actheology.edu.au">www.actheology.edu.au</a>
Australian Film Television & Radio School	<a href="http://www.aftrs.edu.au">www.aftrs.edu.au</a>
Avondale College of Higher Education	<a href="http://www.avondale.edu.au">www.avondale.edu.au</a>
Batchelor Institute of Indigenous Tertiary Education	<a href="http://www.batchelor.edu.au">www.batchelor.edu.au</a>
Bond University	<a href="http://www.bond.edu.au">www.bond.edu.au</a>
Carnegie Mellon University Australia	<a href="http://www.australia.cmu.edu">www.australia.cmu.edu</a>
Central Queensland University	<a href="http://www.cqu.edu.au">www.cqu.edu.au</a>
Charles Darwin University	<a href="http://www.cdu.edu.au">www.cdu.edu.au</a>
Charles Sturt University	<a href="http://www.csu.edu.au">www.csu.edu.au</a>
Curtin University	<a href="http://www.curtin.edu.au">www.curtin.edu.au</a>
Deakin University	<a href="http://www.deakin.edu.au">www.deakin.edu.au</a>
Edith Cowan University	<a href="http://www.ecu.edu.au">www.ecu.edu.au</a>
Federation University Australia (formerly University of Ballarat)	<a href="http://www.federation.edu.au">www.federation.edu.au</a>
Griffith University	<a href="http://www.gu.edu.au">www.gu.edu.au</a>
James Cook University	<a href="http://www.jcu.edu.au">www.jcu.edu.au</a>
La Trobe University	<a href="http://www.latrobe.edu.au">www.latrobe.edu.au</a>
Macquarie University	<a href="http://www.mq.edu.au">www.mq.edu.au</a>
MCD University of Divinity	<a href="http://www.mcd.edu.au">www.mcd.edu.au</a>
Monash University	<a href="http://www.monash.edu.au">www.monash.edu.au</a>
Moore Theological College	<a href="http://www.moore.edu.au">www.moore.edu.au</a>
Murdoch University	<a href="http://www.murdoch.edu.au">www.murdoch.edu.au</a>
Queensland University of Technology	<a href="http://www.qut.edu.au">www.qut.edu.au</a>
RMIT University	<a href="http://www.rmit.edu.au">www.rmit.edu.au</a>
Southern Cross University	<a href="http://www.scu.edu.au">www.scu.edu.au</a>
Swinburne University of Technology	<a href="http://www.swin.edu.au">www.swin.edu.au</a>
Torrens University Australia	<a href="http://www.tua.edu.au">www.tua.edu.au</a>
The Australian National University	<a href="http://www.anu.edu.au">www.anu.edu.au</a>



The Flinders University of South Australia	www.flinders.edu.au
The National Institute of Dramatic Art (NIDA)	www.nida.edu.au
The University of Adelaide	www.adelaide.edu.au
The University of Melbourne	www.unimelb.edu.au
The University of Notre Dame Australia	www.nd.edu.au
The University of Queensland	www.uq.edu.au
The University of Sydney	www.usyd.edu.au
The University of Western Australia	www.uwa.edu.au
University of Canberra	www.canberra.edu.au
University College London	www.ucl.ac.uk/australia
University of Newcastle	www.newcastle.edu.au
University of New England	www.une.edu.au
University of New South Wales	www.unsw.edu.au
University of South Australia	www.unisa.edu.au
University of Southern Queensland	www.usq.edu.au
University of Tasmania	www.utas.edu.au
University of Technology, Sydney	www.uts.edu.au
University of the Sunshine Coast	www.usc.edu.au
University of Wollongong	www.uow.edu.au
Victoria University	www.vu.edu.au
Western Sydney University	www.westernsydney.edu.au

▪ **Những cơ sở giáo dục đại học khác**

Cơ quan Tiêu chuẩn và Chất lượng Giáo dục Đại học (TEQSA) duy trì một danh sách đăng ký quốc gia của các cơ sở giáo dục đại học. Ngoài ra, trang web của Khung Trình độ Australia (AQF) liên kết với trang web của những cơ quan kiểm định nhà nước và lãnh thổ của các tổ chức giáo dục đại học không tự công nhận.

Xem thêm thông tin tại:

- <https://www.aqf.edu.au/>
- <https://www.teqsa.gov.au/>

▪ **Tổ chức Đào tạo đã đăng ký (RTOs)**

Những Tổ chức Đào tạo đăng ký được liệt kê trên trang web Training.gov.au. Trang web chứa thông tin về tình trạng công nhận của các cơ sở đào tạo và bằng được họ cấp. Để biết thêm thông tin, truy cập trang web <https://training.gov.au/>



## ▪ Danh mục viết tắt

<b>ACAAE</b>	Australian Council on Awards in Advanced Education
<b>ACT</b>	Australian Capital Territory
<b>ACTA</b>	Australian Council on Tertiary Awards
<b>AHEGS</b>	Australian Higher Education Graduation Statement
<b>AISC</b>	Australian Industry and Skills Committee
<b>AQF</b>	Australian Qualifications Framework
<b>AQTF</b>	Australian Quality Training Framework
<b>ASQA</b>	Australian Skills Quality Authority
<b>ATAR</b>	Australian Tertiary Admission Rank
<b>BOSTES</b>	Board of Studies, Teaching and Educational Standards NSW
<b>BSSS</b>	Board of Senior Secondary Studies
<b>COAG</b>	Council of Australian Governments
<b>CRICOS</b>	Commonwealth Register of Institutions and Courses for Overseas Students
<b>ELICOS</b>	English Language Intensive Courses for Overseas Students
<b>ESOS</b>	<i>Education Services for Overseas Students Act 2000</i>
<b>FP</b>	Field Position
<b>HSC</b>	Higher School Certificate
<b>IBO</b>	International Baccalaureate Organization
<b>ISC</b>	Industry Skills Council
<b>LOTE</b>	Languages Other Than English
<b>NAPLAN</b>	National Assessment Program—Literacy and Numeracy
<b>NSW</b>	New South Wales
<b>NT</b>	Northern Territory
<b>NTBOS</b>	Northern Territory Board of Studies
<b>NTCET</b>	Northern Territory Certificate of Education and Training
<b>NVR</b>	National VET Regulator
<b>OP</b>	Overall Position
<b>PISA</b>	Programme for International Student Assessment
<b>PRISMS</b>	Provider Registration and International Students Management System
<b>QCAA</b>	Queensland Curriculum and Assessment Authority
<b>QCE</b>	Queensland Certificate of Education
<b>QLD</b>	Queensland
<b>QTAC</b>	Queensland Tertiary Admissions Centre
<b>RATE</b>	Register of Australian Tertiary Education
<b>RPL</b>	Recognition of Prior Learning
<b>RTO</b>	Registered Training Organisation
<b>SA</b>	South Australia
<b>SACE</b>	South Australian Certificate of Education
<b>SATAC</b>	South Australian Tertiary Admissions Centre
<b>TAFE</b>	Technical and Further Education
<b>TASC</b>	Tasmanian Assessment, Standards and Certification
<b>TCE</b>	Tasmanian Certificate of Education
<b>TIMSS</b>	Trends in International Mathematics and Science Study
<b>TEQSA</b>	Tertiary Education Quality and Standards Agency





<b>TISC</b>	Tertiary Institutions Service Centre, Western Australia
<b>UAC</b>	Universities Admission Centre
<b>VCAA</b>	Victorian Curriculum and Assessment Authority
<b>VCE</b>	Victorian Certificate of Education
<b>VET</b>	Vocational education and training (VET)
<b>VTAC</b>	Victoria Tertiary Admissions Centre
<b>WA</b>	Western Australia
<b>WACE</b>	Western Australian Certificate of Education



## ▪ Nguồn

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã liên lạc và sử dụng rộng rãi thông tin có trên các trang web của những cơ quan giáo dục Australia có thẩm quyền.

Những nguồn đã được xuất bản dưới đây được sử dụng nhằm chuẩn bị cho bản *Hệ thống Giáo dục Australia*.

Khung Trình độ Australia: Bản đầu tiên Tháng 7 năm 2011, Hội đồng Khung trình độ Australia, 2011.

Khung Trình độ Australia: Tái bản lần thứ nhất Tháng 1 năm 2013, Hội đồng Khung trình độ Australia, 2013.

Hội đồng Văn bằng Giáo dục Tiên tiến Australia, *Báo cáo hàng năm Quý 2, 1973*, Nhà xuất bản Chính phủ Australia, Canberra, ACT.

*Những văn bằng được đăng ký từ năm 1982 – 1987*, Hội đồng Văn bằng Đại học Australia, Woden, ACT.

Goozee, Gillian 2001, *Sự phát triển của TAFE tại Australia*, Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Nghề nghiệp Quốc gia, Adelaide, SA.

Register of Australian Tertiary Education (RATE): Major Tertiary Course Award Levels in Australia, 1991, Australian Education Council, Carlton South, VIC.



## ▪ Thông tin liên lạc

Phần này bao gồm thông tin liên lạc chi tiết của Chính phủ Australia và những cơ sở giáo dục quốc gia có thẩm quyền. Để gọi điện hoặc gửi fax từ nước ngoài, mã quốc gia của Australia là ‘61’ và số ‘0’ được bỏ khỏi mã vùng.

### Cơ quan quốc gia có thẩm quyền

#### **Austrade (Australian Trade Commission)**

2nd Floor, Minter Ellison Building  
25 National Circuit  
FORREST ACT 2603  
Tel: 13 28 78  
Website: [austrade.gov.au](http://austrade.gov.au)

#### **Australian Children’s Education and Care Quality Authority**

Level 15, 255 Elizabeth Street  
SYDNEY NSW 2000  
Tel: 1300 4 ACECQA (1300 422 327)  
Website: [www.acecqa.gov.au](http://www.acecqa.gov.au)

#### **Australian Council for Private Education and Training (ACPET)**

Suite 101, Level 1 126 Wellington Parade  
EAST MELBOURNE VIC 3002  
Tel: (03) 9412 5900  
Website: [www.acpet.edu.au](http://www.acpet.edu.au)

#### **Department of Education and Training**

GPO Box 9880  
CANBERRA ACT 2601  
Tel: 1300 566 046  
Website: [www.education.gov.au](http://www.education.gov.au)

#### **Department of Industry and Science**

GPO Box 9839  
CANBERRA ACT 2601  
Tel: 02 6213 6000  
Website: [www.industry.gov.au](http://www.industry.gov.au)

#### **Education Services Australia**

PO Box 177  
CARLTON SOUTH VIC 3053  
Tel: (03) 9207 9600  
Website: [www.esa.edu.au](http://www.esa.edu.au)

#### **Australasian Curriculum Assessment and Certification Authorities**

Website: [www.acaca.bos.nsw.edu.au](http://www.acaca.bos.nsw.edu.au)

#### **Australian Curriculum and Reporting Authority**

Level 10, 255 Pitt Street  
SYDNEY NSW 2000  
Tel: 1300 895 563 or (02) 8098 3100  
Website: [www.acara.edu.au](http://www.acara.edu.au)

#### **Australian Research Council**

GPO Box 2702  
CANBERRA ACT 2601  
Tel: (02) 6287 6600  
Website: [www.arc.gov.au](http://www.arc.gov.au)

#### **Australian Skills Quality Authority**

GPO Box 9928  
MELBOURNE VIC 3001  
Tel: 1300 701 801  
Website: [www.asqa.gov.au](http://www.asqa.gov.au)

### State and territory authorities

#### **Australian Capital Territory School education**

*ACT Education and Training Directorate*  
GPO Box 158  
CANBERRA ACT 2601  
Tel: (02) 6207 5111  
Website: [www.det.act.gov.au](http://www.det.act.gov.au)

#### **Senior secondary education**

*ACT Board of Senior Secondary Studies*  
Lyons Education Centre  
GPO Box 158  
CANBERRA ACT 2601  
Tel: (02) 6205 7181  
Website: [www.bsas.act.gov.au](http://www.bsas.act.gov.au)



### **English Australia**

PO Box 1437  
DARLINGHURST NSW 1300  
Tel: (02) 9264 4700  
Website: [www.englishaustralia.com.au](http://www.englishaustralia.com.au)

### **Tertiary Education Quality and Standards Agency**

GPO Box 1672  
MELBOURNE VIC 3001  
Tel: 1300 739 585  
Website: [www.teqsa.gov.au](http://www.teqsa.gov.au)

### **Training.gov.au**

Website: [www.training.gov.au](http://www.training.gov.au)

### **Universities Australia**

GPO Box 1142  
CANBERRA ACT 2601  
Tel: (02) 6285 8100  
Website: [www.universitiesaustralia.edu.au](http://www.universitiesaustralia.edu.au)

### **Senior secondary education**

*Board of Studies, Teaching and Educational Standards NSW*  
GPO Box 5300  
SYDNEY NSW 2001  
Tel: (02) 9367 8111  
Website: [www.boardofstudies.nsw.edu.au](http://www.boardofstudies.nsw.edu.au)

### **Tertiary admission**

*University Admissions Centre*  
Locked Bag 112  
SILVERWATER NSW 2128  
Tel: 1300 275 822 or (02) 9752 0200  
Website: [www.uac.edu.au](http://www.uac.edu.au)

### **Northern Territory**

#### **School education**

*Northern Territory Department of Education*  
GPO Box 4821  
DARWIN NT 0801  
Tel: (08) 8999 5659

### **Tertiary admission**

*Universities Admissions Centre*  
Locked Bag 112  
SILVERWATER NSW 2128  
Tel: 1300 275 822 or (02) 9752 0200  
Website: [www.uac.edu.au](http://www.uac.edu.au)

### **New South Wales**

#### **School education**

*NSW Department of Education and Communities*  
GPO Box 33  
SYDNEY NSW 2001  
Tel: 1300 679 332  
Website: [www.dec.nsw.gov.au](http://www.dec.nsw.gov.au)

### **New South Wales**

#### **School education**

*NSW Department of Education and Communities*  
GPO Box 33  
SYDNEY NSW 2001  
Tel: 1300 679 332  
Website: [www.dec.nsw.gov.au](http://www.dec.nsw.gov.au)

### **Queensland**

#### **School education**

*Queensland Department of Education and Training*  
PO Box 15033  
CITY EAST QLD 4002  
Tel: (07) 13 74 68  
Website: [www.education.qld.gov.au](http://www.education.qld.gov.au)

#### **Senior secondary education**

*Queensland Curriculum and Assessment Authority*  
PO Box 307  
SPRING HILL QLD 4004  
Tel: (07) 3864 0299  
Website: [www.qcaa.qld.edu.au](http://www.qcaa.qld.edu.au)

#### **Tertiary admission**

*Queensland Tertiary Admissions Centre*  
PO Box 1331  
MILTON QLD 4064  
Tel: 1300 467 822 or (07) 3858 1222



Website: [www.education.nt.gov.au](http://www.education.nt.gov.au)

### **Senior secondary education**

*NT Board of Studies*

GPO Box 4821

DARWIN NT 0801

Tel: (08) 8944 9204

Website:

[www.education.nt.gov.au/teacherseducators/ntbos](http://www.education.nt.gov.au/teacherseducators/ntbos)

### **Tertiary admission**

*South Australian Tertiary Admissions Centre (for admission to Charles Darwin University)*

104 Frome Street

ADELAIDE SA 5000

Tel: 1300 138 440 or (08) 8224 4000

Website: [www.satac.edu.au](http://www.satac.edu.au)

### **Tertiary admission**

*South Australian Tertiary Admissions Centre*

104 Frome Street

ADELAIDE SA 5000

Tel: 1300 138 440 or (08) 8224 4000

Website: [www.satac.edu.au](http://www.satac.edu.au)

### **Tasmania**

#### **School education**

*Department of Education Tasmania*

GPO Box 169

HOBART TAS 7001

Tel: 1800 816 057

Website: [www.education.tas.gov.au](http://www.education.tas.gov.au)

#### **Senior secondary education**

*Office of Tasmanian Assessment, Standards and Certification*

GPO Box 333

HOBART TAS 7001

Tel: (03) 6165 6000

Website: [www.tasc.tas.gov.au](http://www.tasc.tas.gov.au)

#### **Tertiary admission**

*University of Tasmania*

Private Bag 51

HOBART TAS 7001

Tel: (03) 6226 2999

Website: [www.qtac.edu.au](http://www.qtac.edu.au)

### **South Australia**

#### **School education**

*Department for Education and Child Development*

PO Box 1152

ADELAIDE SA 5001

Tel: (08) 8226 1000 or 1800 088 158

Website: [www.decd.sa.gov.au](http://www.decd.sa.gov.au)

#### **Senior secondary education**

*South Australian Certificate of Education Board of South Australia*

60 Greenhill Road

WAYVILLE SA 5034

Tel: (08) 8372 7400

Website: [www.sace.sa.edu.au](http://www.sace.sa.edu.au)

#### **Senior secondary education**

*Victorian Registration and Qualifications Authority*

GPO Box 2317

Melbourne Vic 3001

Tel: (03) 9637 2806

Website: [www.vrqa.vic.gov.au](http://www.vrqa.vic.gov.au)

#### **Victorian Curriculum and Assessment Authority**

Level 1, 2 Lonsdale Street

MELBOURNE, VIC 3000

Tel: (03) 9032 1700 or 1800 134 197

Website: [www.vcaa.vic.edu.au](http://www.vcaa.vic.edu.au)

#### **Tertiary admission**

*Victorian Tertiary Admission Centre*

40 Park Street

SOUTH MELBOURNE VIC 3205

Tel: 1300 364 133

Website: [www.vtac.edu.au](http://www.vtac.edu.au)

### **Western Australia**

#### **School education**

*Department of Education*

151 Royal Street

EAST PERTH WA 6004

Tel: (08) 9264 4111

Website: [www.education.wa.edu.au](http://www.education.wa.edu.au)



Website: [www.utas.edu.au](http://www.utas.edu.au)

## **Victoria**

### **School education**

*Victorian Department of Education and  
Training*

GPO Box 4367

MELBOURNE VIC 3001

Tel: (03) 9637 2000

Website: [www.education.vic.gov.au](http://www.education.vic.gov.au)

### **Senior secondary education**

*School Curriculum and Standards  
Authority*

PO Box 816

CANNINGTON WA 6987

Tel: (08) 9273 6300

Website: [www.scsa.wa.edu.au](http://www.scsa.wa.edu.au)

### **Tertiary admission**

*Tertiary Institutions Service Centre*

100 Royal Street

EAST PERTH WA 6004

Tel: (08) 9318 8000

Website: [www.tisc.edu.au](http://www.tisc.edu.au)

